
Lời mở đầu

Nền kinh tế thị trường đã mang lại cơ hội thách thức lớn cho các doanh nghiệp đồng thời mang lại những lợi ích cho người tiêu dùng. Các doanh nghiệp muốn tồn tại được phải tìm các phương thức kinh doanh phù hợp để sản phẩm của mình có thể cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu thị trường. Chính vì vậy các doanh nghiệp phải tiến hành đồng bộ các biện pháp quản lý.

Một trong những biện pháp đó hiện nay của các doanh nghiệp Việt Nam là giảm chi phí đầu vào, hạ giá thành nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có mối quan hệ mật thiết với nhau. Giá thành sản phẩm cao hoặc thấp đều phụ thuộc vào chi phí đã bỏ ra, do đó nếu chi phí sản xuất cao thì giá thành sản phẩm sẽ cao và ngược lại. Cho nên trong hệ thống các chỉ tiêu kế toán tài chính thì chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là một trong những chỉ tiêu hết sức quan trọng, phấn đấu để không ngừng tiết kiệm chi phí sản xuất là một trong những nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên của công tác quản lý doanh nghiệp. Hạ giá thành sản phẩm là sự kết tinh của các yếu tố về lao động sống và lao động vật hoá. Yêu cầu về hạ giá thành sản phẩm chỉ thực hiện được bằng cách tiết kiệm và sử dụng có hiệu quả các loại vật tư, tài sản, tiền vốn, sức lao động.

Vì vậy hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm giữ một vai trò quan trọng trong công tác hạch toán kế toán. Nó vừa là cơ sở để xác định kết quả hoạt động kinh doanh vừa là điều kiện để giám sát sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phát hiện ra những khâu yếu, khâu tồn tại, kịp thời có biện pháp khắc phục.

Cũng giống như nhiều doanh nghiệp khác để hoà nhập vào nền kinh tế thị trường, Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh luôn chú trọng công tác hạch toán kế toán sao cho ngày càng hoàn thiện để đạt kết quả tốt nhất.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ Phần Vận tải Hà Minh, em đã mạnh dạn chọn đề tài: “ Hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh”.

Nội dung đề tài bao gồm:

* Lời mở đầu

*Chương 1: Lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

* Chương 2: Thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Cty Cổ phần Vận tải Hà Minh.

* Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh.

* Kết luận.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1 Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất

1.1.1 *Khái niệm về chi phí sản xuất*

Chi phí sản xuất là toàn bộ các hao phí về lao động sống, lao động vật hoá và các chi phí cần thiết khác mà doanh nghiệp phải chi ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, biểu hiện bằng tiền và tính cho một thời kỳ nhất định.

1.1.2 *Bản chất, nội dung chi phí sản xuất*

Để tiến hành các hoạt động sản xuất, doanh nghiệp phải có 3 yếu tố cơ bản:

- + Tư liệu lao động: nhà xưởng, máy móc thiết bị, những tài sản cố định khác.
- + Đối tượng lao động: nguyên vật liệu, nhiên liệu...
- + Lao động của con người.

Quá trình sử dụng các yếu tố cơ bản trong sản xuất cũng đồng thời là quá trình doanh nghiệp phải chi ra những chi phí sản xuất tương ứng. Tương ứng với việc sử dụng TSCĐ là chi phí về khấu hao TSCĐ, tương ứng với việc sử dụng nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu... là những chi phí về nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu..., tương ứng với việc sử dụng lao động là tiền công, tiền trích BHXH, BHYT... Trong điều kiện nền kinh tế hàng hoá và cơ chế hạch toán kinh doanh, mọi chi phí trên đều được biểu hiện bằng tiền, trong đó chi phí tiền công là biểu hiện bằng tiền của hao phí về lao động sống, còn chi phí về khấu hao TSCĐ, chi phí về nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu là biểu hiện bằng tiền của hao phí về lao động vật hoá.

Một doanh nghiệp sản xuất ngoài những hoạt động có liên quan đến sản xuất ra sản phẩm hoặc lao vụ, còn có những hoạt động kinh doanh và hoạt động khác không có tính chất sản xuất, những hoạt động bán hàng, hoạt động quản lý, và hoạt động mang tính chất sự nghiệp... Nhưng chỉ những chi phí để tiến hành các hoạt động sản xuất mới được coi là chi phí sản xuất.

Chi phí sản xuất của doanh nghiệp phát sinh thường xuyên trong suốt quá trình tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp, nhưng để phục vụ cho quản lý và hạch toán kinh doanh, chi phí sản xuất phải được tính toán tập hợp theo từng thời kỳ: hàng tháng, hàng quý, hàng năm phù hợp với kỳ báo cáo. Những chi phí sản xuất mà doanh nghiệp phải bỏ ra trong kỳ mới được tính vào chi phí sản xuất trong kỳ.

Thực chất chi phí sản xuất là sự dịch chuyển vốn - dịch chuyển giá trị các yếu tố vào đối tượng tính giá.

1.2 Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm

1.2.1 Khái niệm về giá thành sản phẩm

Giá thành sản phẩm là các biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá có liên quan đến khối lượng công việc sản phẩm, lao vụ đã hoàn thành.

Giá thành sản phẩm là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh về chất lượng, hoạt động của doanh nghiệp trên tất cả các mặt kinh tế, kỹ thuật, tổ chức và hiệu quả của công việc quản lý, sử dụng vật tư, lao động, tiền vốn của doanh nghiệp. Đồng thời giá thành sản phẩm còn là cơ sở để doanh nghiệp xác định giá bán của sản phẩm và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2.2 Bản chất, nội dung của giá thành sản phẩm

Giá thành sản phẩm là chỉ tiêu tổng hợp nhất phản ánh đầy đủ sự hao phí của tất cả các mặt xét về mặt kinh tế hay hoạt động sản xuất kinh doanh.

Giá thành sản phẩm biểu hiện trình độ, quy mô tổ chức, tính hiện đại hay lạc hậu về mặt kỹ thuật của nền sản xuất, là chỉ tiêu cơ bản để lập kế hoạch sản xuất sản phẩm. Sự vận động của quá trình sản xuất trong doanh nghiệp sản xuất bao gồm hai mặt đối lập nhau, nhưng có liên quan mật thiết hữu cơ với nhau: một mặt là các chi phí doanh nghiệp đã chi ra, một mặt là kết quả sản xuất thu được.

Những sản phẩm, công việc, lao vụ nhất định đã hoàn thành đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của xã hội cần được tính giá thành, hay nói cách khác cần phải tính những chi phí đã bỏ ra để sản xuất chúng.

Giá thành sản phẩm còn là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất, phản ánh kết quả sử dụng các loại tài sản vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình sản xuất cũng như giải pháp kỹ thuật mà doanh nghiệp đã thực hiện nhằm đạt được mục đích sản xuất là sản xuất ra khối lượng sản phẩm nhiều nhất với chi phí sản xuất tiết kiệm và hạ giá thành sản phẩm. Giá thành sản phẩm còn là căn cứ để tính toán, xác định hiệu quả kinh tế của các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

** Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm*

Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm được thể hiện trên 2 khía cạnh:

- Về mặt chất: chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm đều biểu hiện toàn bộ hao phí lao động sống, lao động vật hoá mà doanh nghiệp đã chi ra trong quá trình sản xuất, biểu hiện bằng tiền. Những chi phí sản xuất phản ánh mặt hao phí còn giá thành sản phẩm phản ánh mặt kết quả sản xuất.

- Về mặt lượng: Chi phí sản xuất luôn gắn với thời kỳ phát sinh chi phí còn giá thành sản phẩm gắn với khối lượng sản phẩm đã hoàn thành.

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có thể khác nhau khi có sản phẩm dở dang đầu kỳ hoặc cuối kỳ. Sự khác nhau về mặt lượng và mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm thể hiện ở công thức tổng quát sau đây:

$$Z = D_{dk} + C - D_{ck}$$

Trong đó:

Z : tổng giá thành sản phẩm

D_{dk} : trị giá sản phẩm dở dang đầu kỳ

D_{ck} : trị giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

C : tổng chi phí phát sinh trong kỳ

Như vậy chi phí sản xuất là căn cứ để tính giá thành sản phẩm hoàn thành. Việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là 2 giai đoạn kế tiếp nhau của quá trình hạch toán sản xuất.

1.3 Phân loại chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm nhiều loại, nhiều thứ khác nhau. Để thuận tiện cho công tác quản lý, hạch toán, kiểm tra chi phí cũng như việc đưa ra quyết định kinh doanh. Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty được phân loại theo những tiêu thức sau:

1.3.1 Phân loại chi phí sản xuất theo mục đích và công dụng của chi phí

Căn cứ vào nội dung, tính chất kinh tế của chi phí, chi phí sản xuất được phân thành các yếu tố chi phí. Mỗi yếu tố chi phí chỉ bao gồm những chi phí có cùng nội dung kinh tế, không phân biệt chi phí đó phát sinh ở lĩnh vực nào, mục đích và tác dụng của nó ra sao. Cách phân loại này còn gọi là phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố. Theo cách phân loại này chi phí sản xuất được chia thành 5 yếu tố chi phí sau:

- Yếu tố nguyên liệu, vật liệu: bao gồm toàn bộ chi phí về các loại nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, chi phí nguyên vật liệu khác.

- Yếu tố tiền lương và các khoản trích theo lương: bao gồm toàn bộ tiền lương, phụ cấp và các khoản trích trên tiền lương theo quy định của lao động trực tiếp sản xuất, chế tạo sản phẩm, thực hiện công việc, lao vụ trong kỳ.

- Yếu tố khấu hao TSCĐ: bao gồm khấu hao của tất cả TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.

- Yếu tố dịch vụ mua ngoài: bao gồm toàn bộ số tiền doanh nghiệp đã chi trả về các loại dịch vụ mua từ bên ngoài như điện, nước, điện thoại... phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Yếu tố chi phí khác bằng tiền: là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngoài các yếu tố chi phí nêu trên.

Cách phân loại này có tác dụng rất lớn trong việc quản lý chi phí sản xuất. Nó cho biết kết cấu, tỷ trọng của từng yếu tố chi phí sản xuất chiếm trong tổng số. Từ đó giúp cho công tác phân tích chi phí sản xuất, đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất, lập báo cáo chi phí sản xuất theo yếu tố ở bảng thuyết minh báo cáo tài chính. Đồng thời còn cung cấp tài liệu tham khảo để lập dự toán chi phí sản xuất, lập kế hoạch cung ứng vật tư, tính toán nhu cầu vốn lưu động cho kỳ sau.

1.3.2 Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm

Mỗi khoản mục chi phí bao gồm những chi phí có cùng mục đích và công dụng không phân biệt chi phí đó có nội dung kinh tế như thế nào. Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất được chia thành 4 khoản mục khác nhau:

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (CPNVLTT): chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là toàn bộ chi phí nguyên vật liệu được sử dụng trực tiếp cho quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm, lao vụ, dịch vụ.

+ Chi phí nhân công trực tiếp (CPNCTT): bao gồm tiền lương và các khoản phải trả trực tiếp cho công nhân sản xuất, các khoản trích theo lương của công nhân sản xuất như: KPCĐ, BHXH, BHYT.

+ Chi phí sản xuất chung (CPSXC): là toàn bộ chi phí sản xuất liên quan đến việc tổ chức phục vụ và quản lý sản xuất kinh doanh như: chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định...

Với cách phân loại chi phí sản xuất theo công dụng tạo điều kiện cho doanh nghiệp quản lý chi phí sản xuất theo định mức và cung cấp số liệu cho công tác tính giá thành sản phẩm.

1.4 Phân loại giá thành sản phẩm

1.4.1 Phân loại giá thành sản phẩm theo thời điểm và nguồn số liệu

Theo cách phân loại này giá thành sản phẩm được chia làm 3 loại:

- Giá thành kế hoạch: là giá thành được xác định trước khi bắt đầu sản xuất của kỳ kế hoạch dựa trên các định mức và dự toán của kỳ kế hoạch. Giá thành kế hoạch được coi là mục tiêu chung mà doanh nghiệp phải cố gắng hoàn thành nhằm thực hiện mục tiêu chung của toàn doanh nghiệp.

- Giá thành định mức: là giá thành được xác định trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành tại từng thời điểm nhất định trong kỳ kế hoạch. Giá thành định

mức được xem là căn cứ để kiểm soát tình hình thực hiện các định mức tiêu hao, các yếu tố vật chất khác nhau phát sinh trong quá trình sản xuất. Giá thành định mức cũng được xây dựng trước khi bắt đầu quá trình sản xuất.

- Giá thành thực tế: là giá thành được xác định trên cơ sở các khoản hao phí thực tế trong kỳ để thực hiện quá trình sản xuất sản phẩm. Giá thành thực tế được xác định sau khi đã xác định được kết quả sản xuất trong kỳ. Giá thành thực tế là căn cứ để kiểm tra, đánh giá tình hình tiết kiệm chi phí, hạ thấp giá thành và xác định kết quả kinh doanh.

1.4.2 Phân loại giá thành sản phẩm theo chi phí phát sinh

Theo cách phân loại này giá thành sản phẩm được chia làm 2 loại:

- Giá thành sản xuất sản phẩm: bao gồm các chi phí liên quan đến quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm như CPNVLTT, CPNCTT và CPSXC tính cho những sản phẩm, công vụ đã hoàn thành. Giá thành sản xuất sản phẩm được sử dụng hạch toán thành phẩm, tính giá vốn hàng bán và lãi gộp ở các doanh nghiệp sản xuất.

- Giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{toàn bộ của} \\ \text{sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành sản} \\ \text{xuất sản phẩm} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí bán} \\ \text{hàng} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí quản lý} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

Như vậy giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ chỉ tính và xác định cho số sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất đã tiêu thụ, nó là căn cứ để tính toán xác định mức lợi nhuận thuần trước thuế của doanh nghiệp.

1.5 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành

1.5.1 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là phạm vi giới hạn mà chi phí sản xuất phát sinh cần được tập hợp theo phạm vi giới hạn đó. Việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất căn cứ vào tính chất sản xuất, loại hình sản xuất, đặc điểm tổ chức sản xuất, đặc điểm của quy trình công nghệ sản xuất, yêu cầu và trình độ quản lý hạch toán của doanh nghiệp...

Dựa vào căn cứ này để có thể xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là toàn bộ quy trình công nghệ sản xuất hay từng giai đoạn, từng phân

xưởng, từng tổ đội sản xuất. Cũng có thể là từng nhóm sản phẩm, từng công trình xây dựng, từng đơn đặt hàng, từng chi tiết sản phẩm.

Như vậy thực chất của việc xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là việc xác định nơi phát sinh chi phí và đối tượng chịu chi phí.

1.5.2 Đối tượng tính giá thành sản phẩm

Đối tượng tính giá thành: là các loại sản phẩm, công việc, lao vụ mà doanh nghiệp đã sản xuất hoàn thành đòi hỏi phải tính tổng giá thành và giá thành đơn vị.

Bộ phận kế toán giá thành phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, quản lý sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, khả năng, yêu cầu quản lý cũng như tính chất của từng loại sản phẩm cụ thể.

Ngoài ra đối tượng tính giá thành còn dựa vào các đặc điểm sử dụng của sản phẩm bán được, yêu cầu hạch toán kinh tế, khả năng trình độ quản lý của doanh nghiệp.

1.5.3 Kỳ tính giá thành

Kỳ tính giá thành là thời kỳ mà bộ phận kế toán phải tiến hành công việc tính toán giá thành cho các đối tượng tính giá thành.

Trên cơ sở đối tượng tính giá thành đã xác định, căn cứ vào chu kỳ sản xuất sản phẩm, đặc điểm tổ chức sản xuất, tính chất của sản phẩm mà xác định kỳ tính giá thành cho phù hợp. Thông thường, doanh nghiệp sản xuất với khối lượng lớn, chu kỳ sản xuất ngắn và xen kẽ liên tục thì kỳ tính giá thành là hàng tháng vào thời điểm cuối tháng. Nếu doanh nghiệp sản xuất đơn chiếc hoặc hàng loạt theo từng đơn đặt hàng, chu kỳ sản xuất dài, sản phẩm hoặc hàng loạt sản phẩm chỉ hoàn thành khi kết thúc chu kỳ sản xuất của sản phẩm hoặc hàng loạt sản phẩm đó thì kỳ tính giá thành thích hợp là thời điểm kết thúc chu kỳ sản xuất của sản phẩm hoặc hàng loạt sản phẩm hoàn thành. Như vậy, trong trường hợp này kỳ tính giá thành không trùng với kỳ báo cáo.

Xác định kỳ tính giá thành cho từng đối tượng tính giá thành thích hợp giúp cho tổ chức công việc tính giá thành được khoa học, hợp lý, đảm bảo cung cấp thông tin về giá thành thực tế của sản phẩm kịp thời, trung thực, phát huy

được vai trò kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm của kế toán. Trong quá trình này kế toán có vai trò cung cấp các thông tin kinh tế mang tính pháp lý và hợp lý, cụ thể thông qua chứng từ phát sinh thể hiện chi phí đầu vào và tổng chi phí này được thể hiện ở đầu ra trong chi phí hợp lý của thành phẩm nhập kho và chi phí bất thường trên định mức trong giá vốn hàng bán.

1.6 Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất

1.6.1 Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất là phương pháp sử dụng để tập hợp và phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục chi phí trong giới hạn mỗi quan hệ của đối tượng kế toán chi phí.

Có 2 phương pháp chủ yếu tập hợp chi phí sản xuất:

- Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất trực tiếp: phương pháp này áp dụng với các chi phí sản xuất chỉ liên quan tới một đối tượng tập hợp chi phí sản xuất. Hàng ngày (kỳ) có chi phí sản xuất phát sinh có liên quan tới đối tượng chi phí nào, kế toán sẽ ghi trực tiếp vào đối tượng chịu chi phí đó. Phương pháp này đòi hỏi phải tổ chức hạch toán ban đầu theo đúng đối tượng chịu chi phí, đảm bảo cho việc tập hợp chi phí sản xuất cho từng đối tượng một cách chính xác.

- Phương pháp phân bổ chi phí sản xuất: phương pháp này áp dụng cho chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán chi phí sản xuất khác nhau. Phân bổ chi phí sản xuất cho từng đối tượng phải dựa trên tiêu thức phân bổ hợp lý qua 2 bước:

+ Bước 1: Xác định hệ số phân bổ:

$$H = C/T$$

Trong đó:

- H : hệ số phân bổ chi phí
C : Tổng chi phí sản xuất đã tập hợp cần phân bổ
T : Tổng tiêu chuẩn dùng phân bổ

Bước 2: Tính số chi phí sản xuất phân bổ cho từng đối tượng

$$C_i = H \times T_i$$

Trong đó:

C_i : Chi phí phân bổ cho đối tượng i

H : hệ số phân bổ

T_i : tiêu chuẩn phân bổ của đối tượng i

1.6.2 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.6.2.1 Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (CP NVLTT)

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là những chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu... sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất, chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện các lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp.

Đối với nguyên vật liệu được sử dụng cho một đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất thì chi phí nguyên vật liệu được ghi trực tiếp cho từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất.

Đối với nguyên vật liệu được sử dụng cho nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất thì chi phí nguyên vật liệu được tập hợp chung, cuối kỳ thực hiện việc kết chuyển phân bổ CPNVLTT cho các đối tượng liên quan theo tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí nguyên vật liệu chính có thể chọn tiêu thức phân bổ là chi phí vật liệu định mức, chi phí vật liệu kế hoạch, khối lượng sản phẩm sản xuất... Chi phí vật liệu phụ, nhiên liệu có thể chọn các tiêu thức trên hoặc chọn tiêu thức chi phí nguyên vật liệu chính.

Để tập hợp và kết chuyển phân bổ chi phí nguyên vật liệu kế toán sử dụng TK 621: chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp. Kết cấu chủ yếu của tài khoản này như sau:

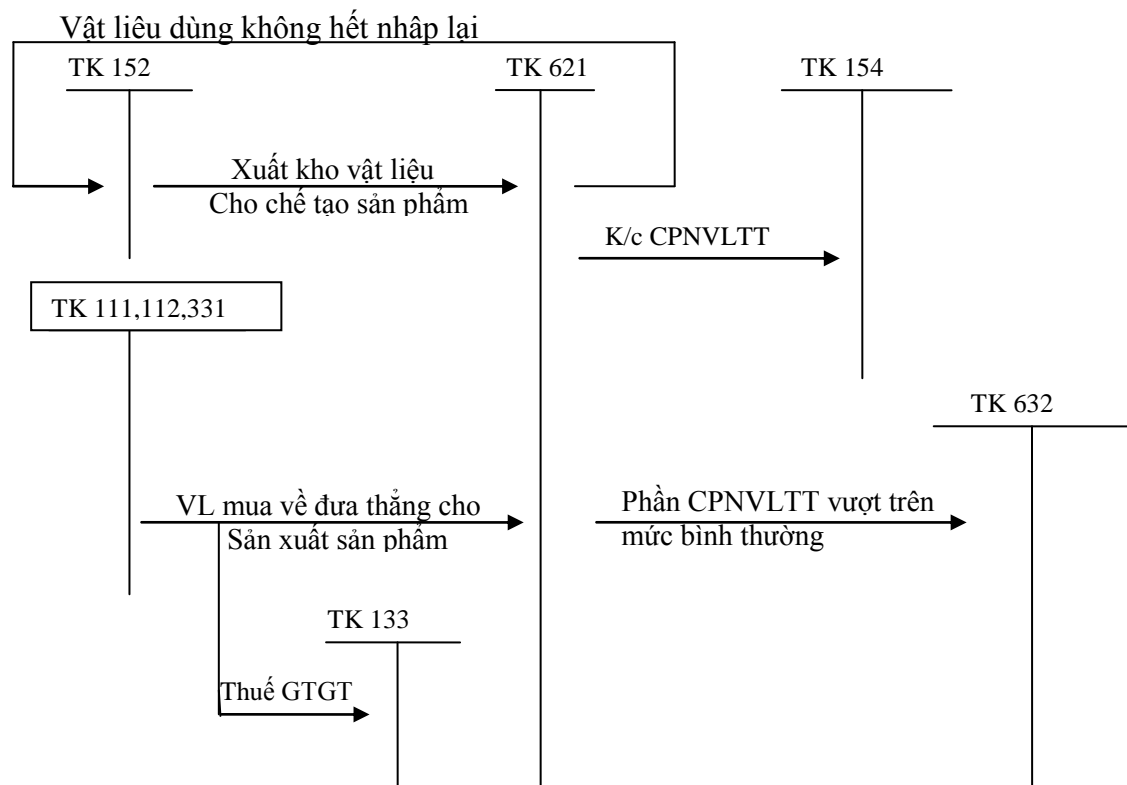
- Bên nợ: Trị giá vốn nguyên liệu, vật liệu sử dụng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện lao vụ dịch vụ trong kỳ.

- Bên có:

- + Trị giá vốn nguyên liệu, vật liệu sử dụng không hết, nhập lại kho
- + Trị giá của vật liệu thu hồi (nếu có)
- + Kết chuyển CPNVLTT vượt trên mức bình thường.

- Tài khoản 621 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.1 Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



1.6.2.2 Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp (CPNCTT)

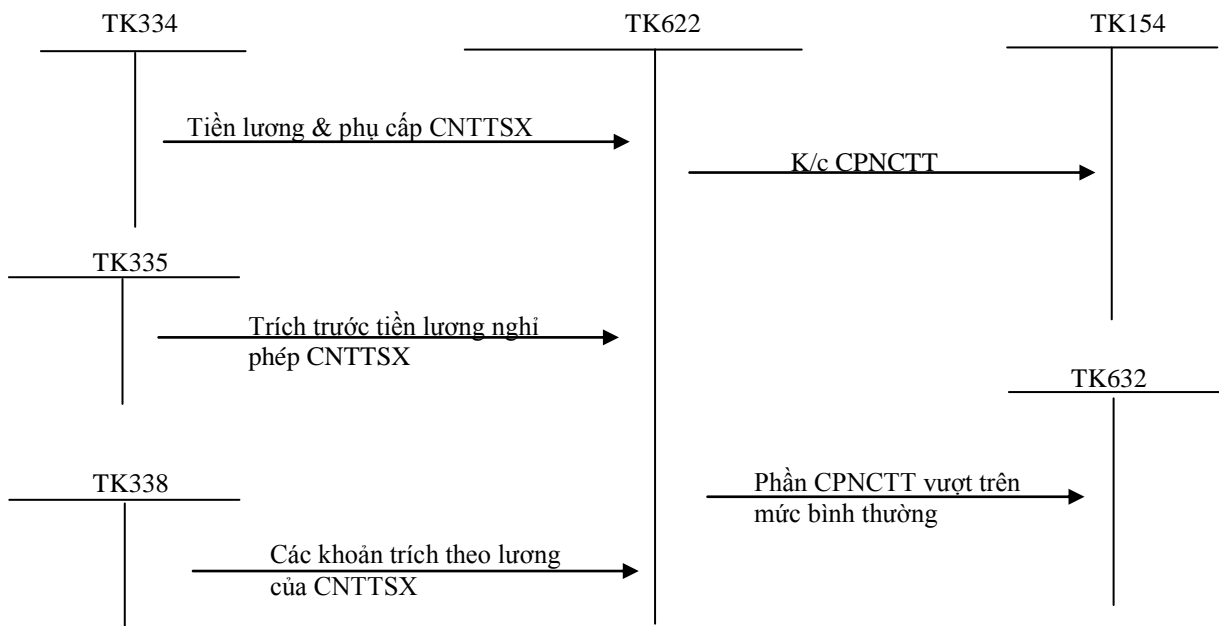
CPNCTT là những khoản tiền phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm hoặc trực tiếp thực hiện các loại lao vụ, dịch vụ gồm: tiền lương chính, tiền lương phụ, các khoản phụ cấp, tiền trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo số tiền lương của công nhân sản xuất.

CPNCTT nếu liên quan đến một đối tượng thì sử dụng phương pháp tập hợp trực tiếp, còn nếu liên quan đến nhiều đối tượng thì sử dụng phương pháp phân bổ. Tiêu chuẩn dùng để phân bổ hợp lý là phân bổ theo giờ công định mức hoặc theo tiền công định mức, hay phân bổ theo giờ công thực tế.

Để tập hợp CPNCTT kế toán sử dụng TK 622: Chi phí nhân công trực tiếp, kết cấu chủ yếu của tài khoản này như sau:

- Bên Nợ: CPNCTT tham gia và quá trình sản xuất sản phẩm
- Bên Có:
 - + Kết cấu CPNCTT để tính giá thành sản phẩm
 - + Kết chuyển CPNCTT vượt trên mức bình thường
- TK 622 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.2: Kết toán chi phí nhân công trực tiếp



1.6.2.3 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung (CPSXC)

CPSXC là những khoản chi phí cần thiết khắc phục vụ cho quá trình sản xuất phát sinh ở các phân xưởng, bộ phận sản xuất.

CPSXC được tổ chức tập hợp theo từng phân xưởng, đội sản xuất, quản lý chi tiết theo từng yếu tố chi phí. Bên cạnh đó CPSXC còn phải được tập hợp theo chi phí cố định và chi phí biến đổi. Cuối kỳ sau khi đã tập hợp được CPSXC theo từng phân xưởng, kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong phân xưởng theo những tiêu chuẩn phân bổ hợp lý. Việc tính toán xác định CPSXC tính vào chi phí chế biến sản phẩm còn phải căn cứ vào mức công suất hoạt động thực tế của máy móc thiết bị:

- CPSXC cố định được phân bổ vào chi phí chế biến cho mỗi đơn vị sản xuất được dựa trên công suất bình thường của máy móc sản xuất. Trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất cao hơn công suất bình thường thì CPSXC cố định phân bổ theo chi phí thực tế phát sinh. Trường hợp mức sản xuất thấp hơn công suất bình thường, phần chi phí chung không được phân bổ được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- CPSXC biến đổi được phân bổ hết trong kỳ theo chi phí thực tế.

Kế toán sử dụng TK 627- Chi phí sản xuất chung, kết cấu cơ bản của tài khoản này như sau:

- Bên nợ: tập hợp chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ.

- Bên có:

+ Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung (nếu có)

+ Chi phí SXC được phân bổ, kết chuyển chi phí chế biến cho các đối tượng chịu chi phí.

+ Chi phí SXC không được phân bổ, kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- TK 627 không có số dư cuối kỳ và được mở 06 tài khoản cấp 2 để tập hợp theo yếu tố chi phí:

+ TK 6271: Chi phí nhân viên phân xưởng

+ TK 6272: Chi phí vật liệu

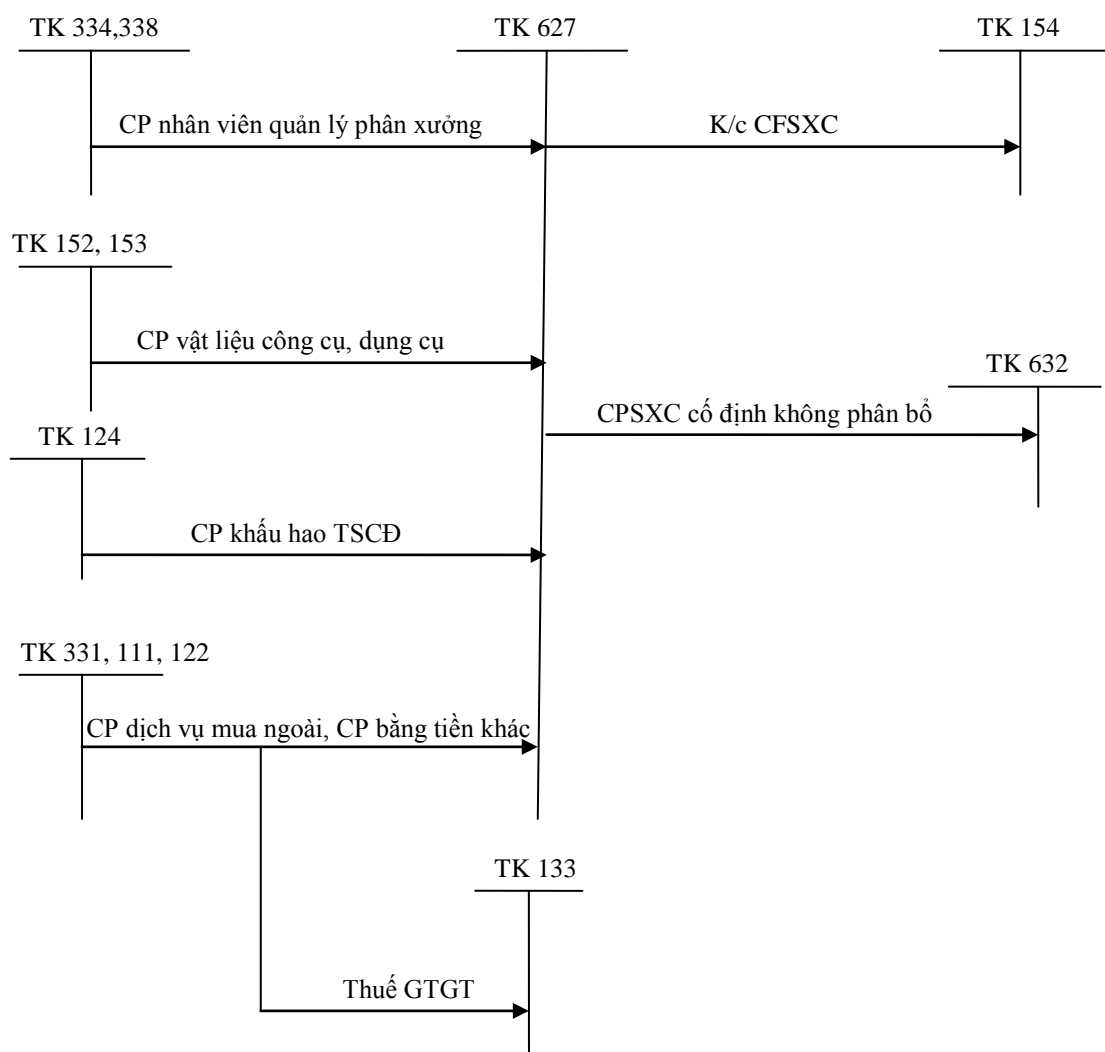
+ TK 6273: Chi phí dụng cụ sản xuất

+ TK 6274: Chi phí khấu hao TSCĐ

+ TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ TK 6278: Chi phí khác bằng tiền

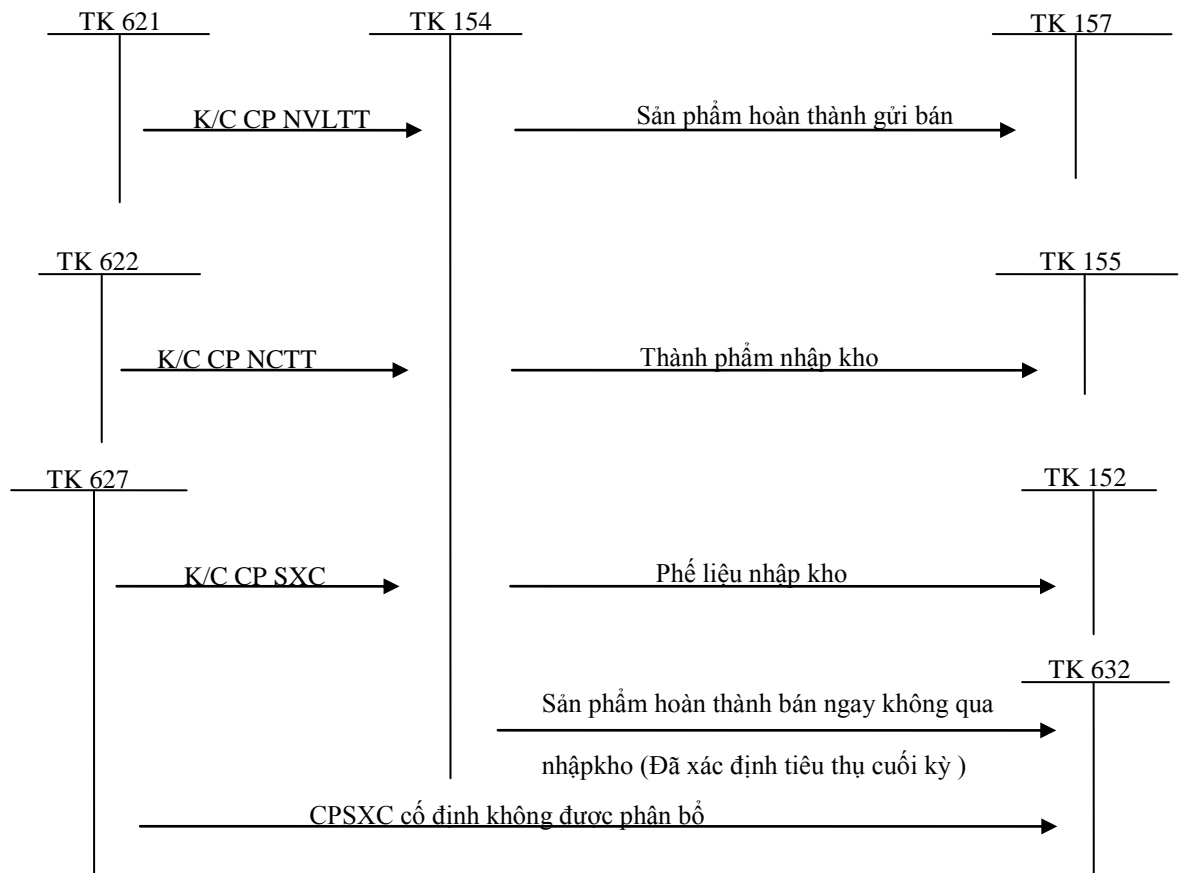
Sơ đồ 1.3: Kế toán chi phí sản xuất chung



1.6.2.4 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Theo phương pháp này việc nhập, xuất, tồn NVL, CCDC... được theo dõi một cách thường xuyên trong sổ kế toán. Để tập hợp chi phí sản xuất doanh nghiệp tiến hành các bước theo sơ đồ sau:

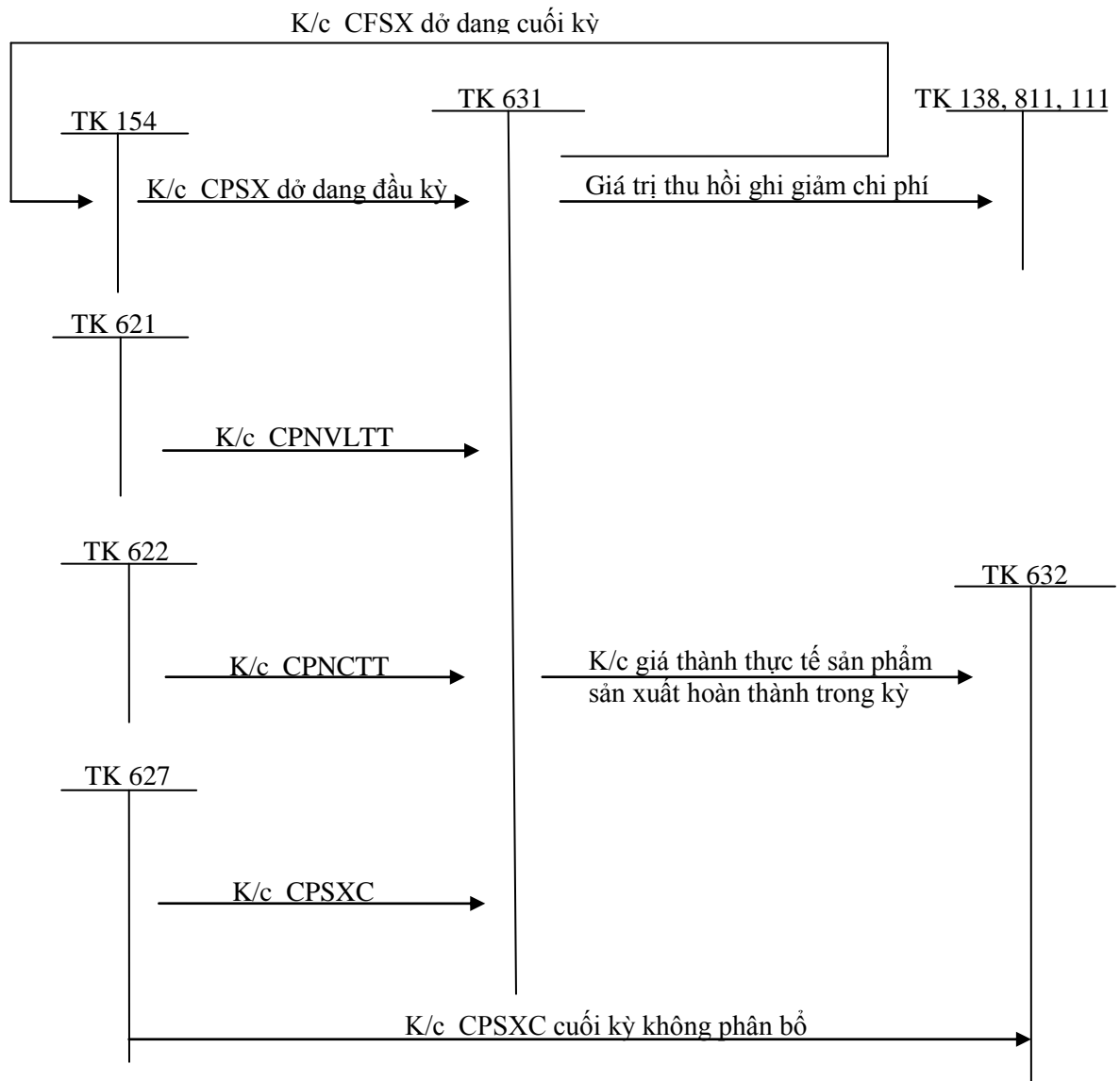
Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.6.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp này cũng tương tự phương pháp kê khai thường xuyên, chi phí sản xuất trong kỳ được tập hợp trên các TK621, TK 622, TK 627. Do đặc điểm của kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ TK154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chỉ áp dụng để phản ánh chi phí dở dang đầu kỳ và cuối kỳ, việc tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm hoàn thành thực hiện trên TK631- Giá thành sản xuất.

Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí sản xuất trong DN kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.7 Phương pháp tính giá thành sản phẩm

1.7.1 Tính giá thành theo phương pháp trực tiếp (phương pháp giản đơn)

Phương pháp này được áp dụng trong các doanh nghiệp thuộc loại hình sản xuất giản đơn, số lượng mặt hàng ít, chu kỳ sản xuất ngắn

Công thức:

$$\begin{matrix} \text{Tổng giá thành} \\ \text{SP hoàn thành} \\ \text{trong kỳ} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{CPSX dở} \\ \text{dang đầu kỳ} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{CPSX phát sinh} \\ \text{thực tế trong kỳ} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{CPSX dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{matrix}$$

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Tổng giá thành SP hoàn thành trong kỳ}}{\text{Số lượng SP hoàn thành trong kỳ}}$$

1.7.2 Tính giá thành theo phương pháp tổng cộng chi phí

Áp dụng trong những doanh nghiệp mà quá trình sản xuất sản phẩm được thực hiện ở nhiều bộ phận sản xuất, nhiều giai đoạn công nghệ, đối tượng kế toán chi phí sản xuất là các bộ phận chi tiết sản phẩm hoặc giai đoạn công nghệ hay bộ phận sản xuất.

$$\text{Giá thành} = Z_1 + Z_2 + \dots + Z_n$$

1.7.3 Tính giá thành theo phương pháp hệ số

Phương pháp hệ số áp dụng trong trường hợp đối tượng tập hợp cho CPSX là toàn bộ quy trình công nghệ sản xuất hoặc nhóm sản phẩm còn đối tượng tính giá thành lại là từng sản phẩm và tất nhiên không thể tổ chức theo dõi chi tiết chi phí theo từng loại sản phẩm. Do vậy, để xác định giá thành cho từng loại sản phẩm chính cần phải thay đổi các sản phẩm chính khác nhau về một loại sản phẩm duy nhất, gọi là sản phẩm tiêu chuẩn theo hệ số quy đổi được xây dựng sẵn. Sản phẩm có hệ số 1 được chọn làm sản phẩm chuẩn.

$$\text{Tổng số sản phẩm tiêu chuẩn} = \sum \left(\begin{array}{l} \text{số lượng hoàn thành của} \\ \text{từng loại sản phẩm} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số quy đổi của} \\ \text{từng loại} \end{array} \right)$$

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm tiêu chuẩn} = \frac{\text{Tổng giá thành của các loại SP chính hoàn thành trong kỳ}}{\text{Tổng số SP tiêu chuẩn}}$$

$$Z \text{ đơn vị của từng loại SP} = \begin{array}{l} \text{Giá thành đơn vị sản} \\ \text{phẩm tiêu chuẩn} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số quy đổi} \\ \text{của từng loại SP} \end{array}$$

Nếu trong quá trình sản xuất có sản phẩm dở dang thì cũng cần quy đổi về sản phẩm tiêu chuẩn để xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ.

1.7.4 Tính giá thành theo phương pháp tỷ lệ

Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là toàn bộ quy trình công nghệ sản xuất của nhóm sản phẩm, đối tượng tính giá thành sẽ là từng quy cách sản phẩm trong nhóm sản phẩm

Để xác định tỷ lệ người ta có thể sử dụng nhiều tiêu thức khác nhau: Giá thành kế hoạch, CPNVLTT, trọng lượng sản phẩm. Thông thường có thể sử dụng giá thành kế hoạch hoặc giá thành định mức.

$$\text{Tỷ lệ phân bổ giá thành thực tế cho từng loại sản phẩm} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế của các loại sản phẩm chính}}{\text{Tổng giá thành kế hoạch của các loại sản phẩm chính}}$$

$$\text{Tổng giá thành thực tế từng loại sản phẩm} = \text{Tổng giá thành kế hoạch của từng loại sản phẩm} \times \text{Tỷ lệ}$$

Để xác định từng khoản mục của giá thành thực tế thì lấy giá thành thực tế đã được xác định nhân với tỷ lệ % của từng khoản mục trong cấu thành của giá thành kế hoạch.

Ngoài những phương pháp tính giá thành đã được trình bày ở trên còn một số phương pháp tính giá thành khác như: Phương pháp loại trừ sản phẩm phụ, phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng, phương pháp giá thành định mức. Mỗi phương pháp đều có những ưu điểm, khuyết điểm khác nhau. Vì vậy các doanh nghiệp cần phải có sự lựa chọn phù hợp cho doanh nghiệp của mình.

1.8 Đánh giá sản phẩm dở dang

Sản phẩm dở dang là khối lượng sản phẩm, công việc còn đang trong quá trình sản xuất, gia công, chế biến trên các giai đoạn của quy trình công nghệ, hoặc đã hoàn thành một vài quy trình chế biến nhưng vẫn còn phải gia công chế biến tiếp mới trở thành thành phẩm.

Đánh giá sản phẩm dở dang là việc xác định phần chi phí sản xuất trong kỳ cho khối lượng làm dở cuối kỳ theo phương pháp nhất định.

Dưới đây là các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang mà các DN thường áp dụng.

1.8.1 Đánh giá sản phẩm dở dang theo phương pháp định mức

Đối với các doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống định mức và dự toán chi phí cho từng loại sản phẩm thì doanh nghiệp có thể áp dụng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức.

Theo phương pháp này kế toán căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang, mức độ hoàn thành các sản phẩm dở dang của từng công đoạn sản xuất để tính ra giá trị từng sản phẩm dở dang theo chi phí định mức.

1.8.2 Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Theo phương pháp này kế toán giá định trong giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ chỉ có CPNVLTT mà không tính đến chi phí sản xuất khác.

Công thức tính:

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{CPNVLTT thực tế phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

1.8.3 Đánh giá sản phẩm dở dang theo khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương

Theo phương pháp này phải tính toán tất cả các khoản mục chi phí cho sản phẩm dở dang theo mức độ hoàn thành của chúng, trước hết cần căn cứ khối lượng sản phẩm dở dang và mức độ chế biến của chúng để tính đổi khối lượng sản phẩm dở dang ra khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương. Sau đó, tính toán xác định từng khoản mục chi phí cho sản phẩm dở dang.

- Đối với các khoản chi phí bỏ vào một lần ngay từ đầu quy trình sản xuất như nguyên vật liệu trực tiếp tính cho sản phẩm hoàn thành và sản phẩm dở dang như sau:

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

- Đối với các khoản chi phí bổ dần trong quá trình sản xuất như: CPNCTT, CPSXC thì tính cho sản phẩm hoàn thành và dở dang như sau:

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương}} \times \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương}$$

Trong đó:

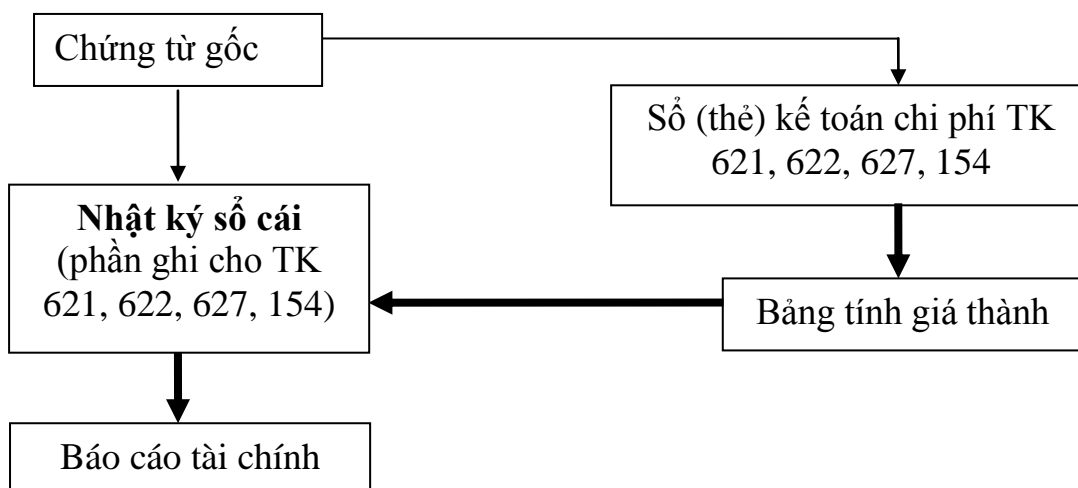
$$\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương} = \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ} \times \text{Mức độ hoàn thành}$$

1.9 Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán

Mỗi loại hình doanh nghiệp có quy mô sản xuất lớn nhỏ khác nhau nên hình thức kế toán tại các doanh nghiệp áp dụng cũng khác nhau. Do đó để căn cứ vào những thông tin, kế toán có thể hiểu một cách chính xác đầy đủ và kịp thời tình hình tài chính của doanh nghiệp và từ đó đưa ra các quyết định hợp lý. Sau đây là các hình thức kế toán được áp dụng trong các doanh nghiệp hiện nay về kế toán hạch toán chi phí và tính giá thành:

1.9.1 Kế toán hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán nhật ký - sổ cái

Sơ đồ 1.6 trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký - sổ cái

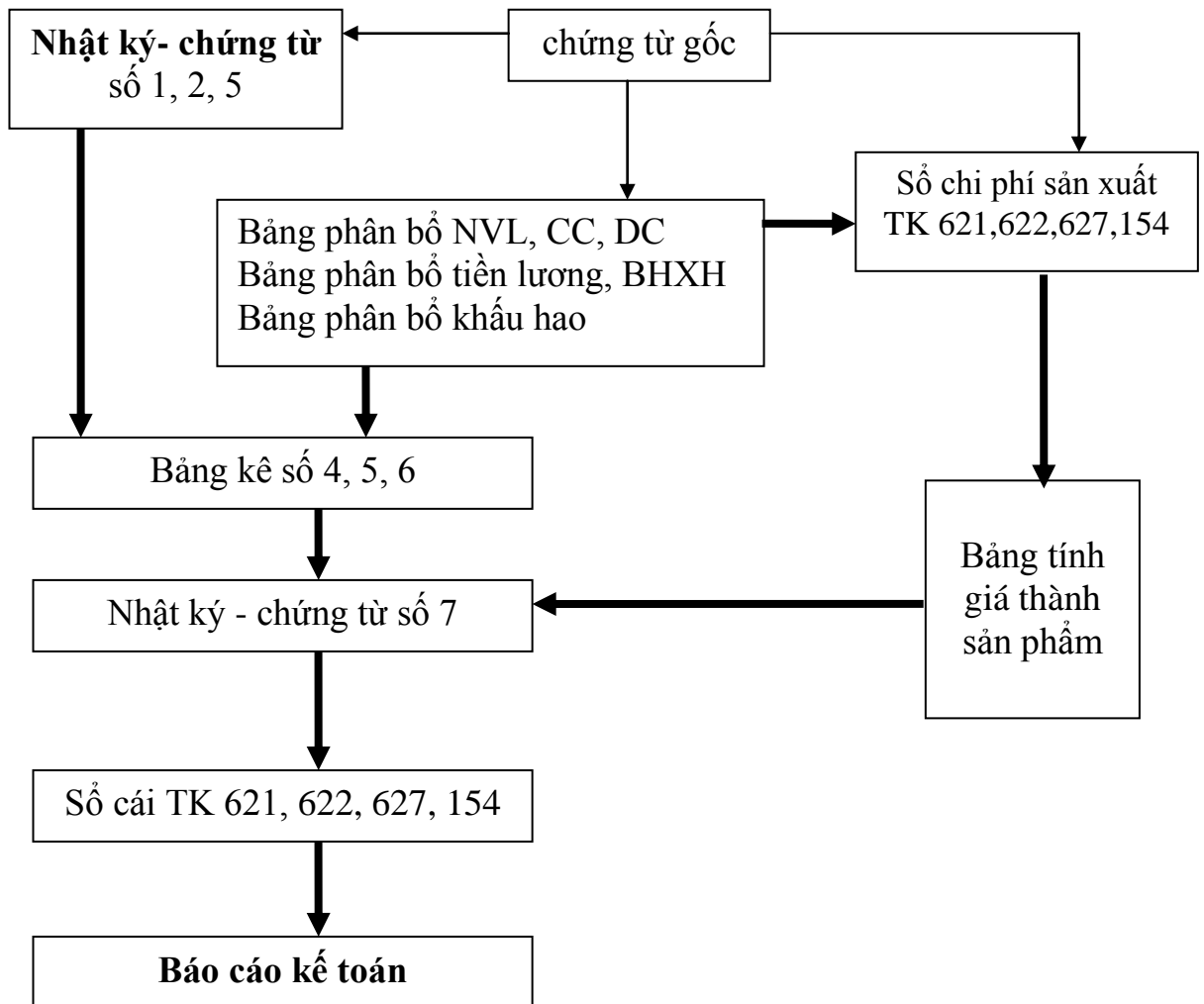


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi định kỳ
- <----> Quan hệ đối chiếu

1.9.2 Kế toán hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán nhật ký - chứng từ

Sơ đồ 1.7 trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán nhật ký chứng từ

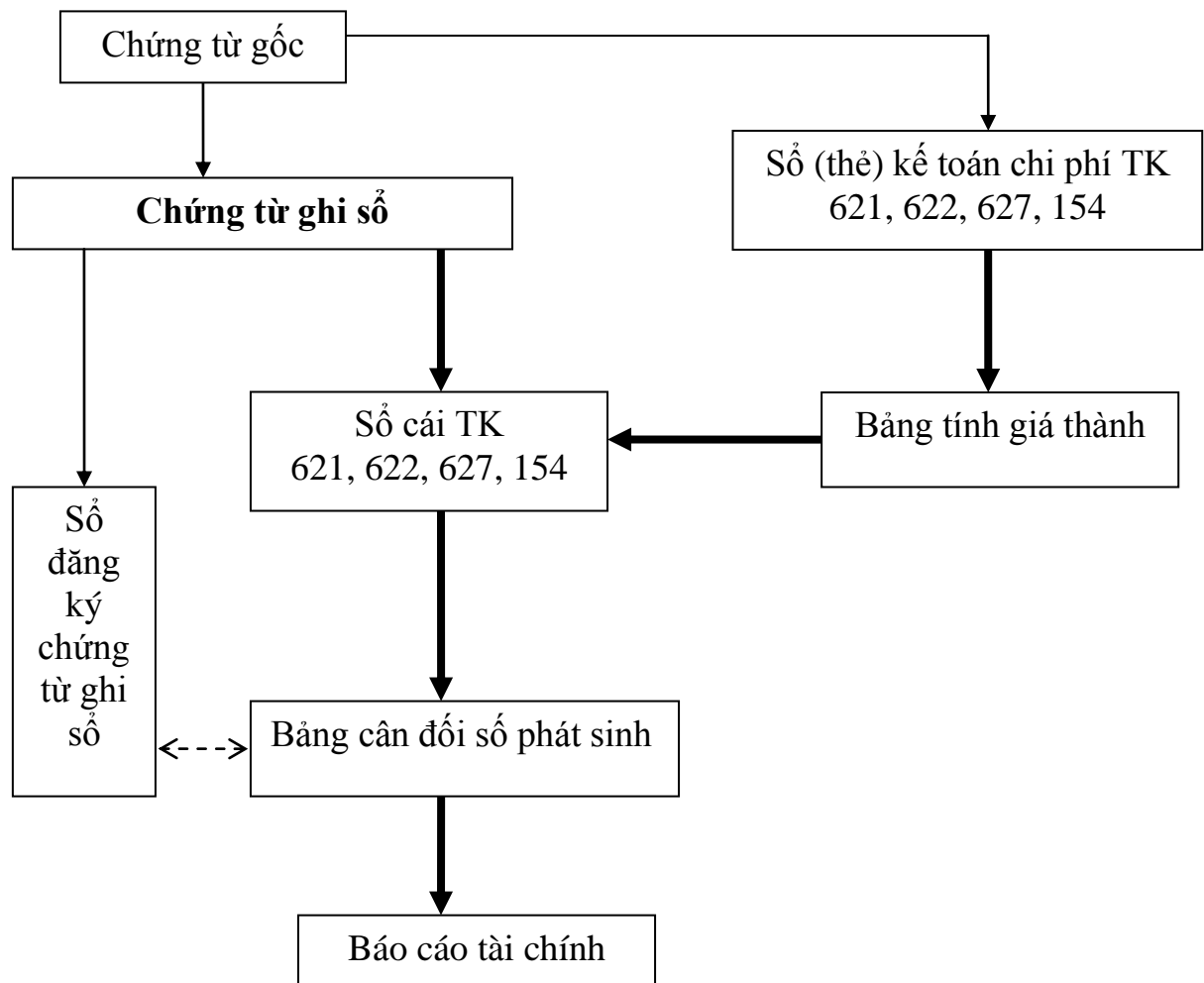


Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi định kỳ
- <-----> Quan hệ đối chiếu

1.9.3 Kế toán hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Sơ đồ 1.8 trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức chứng từ ghi sổ

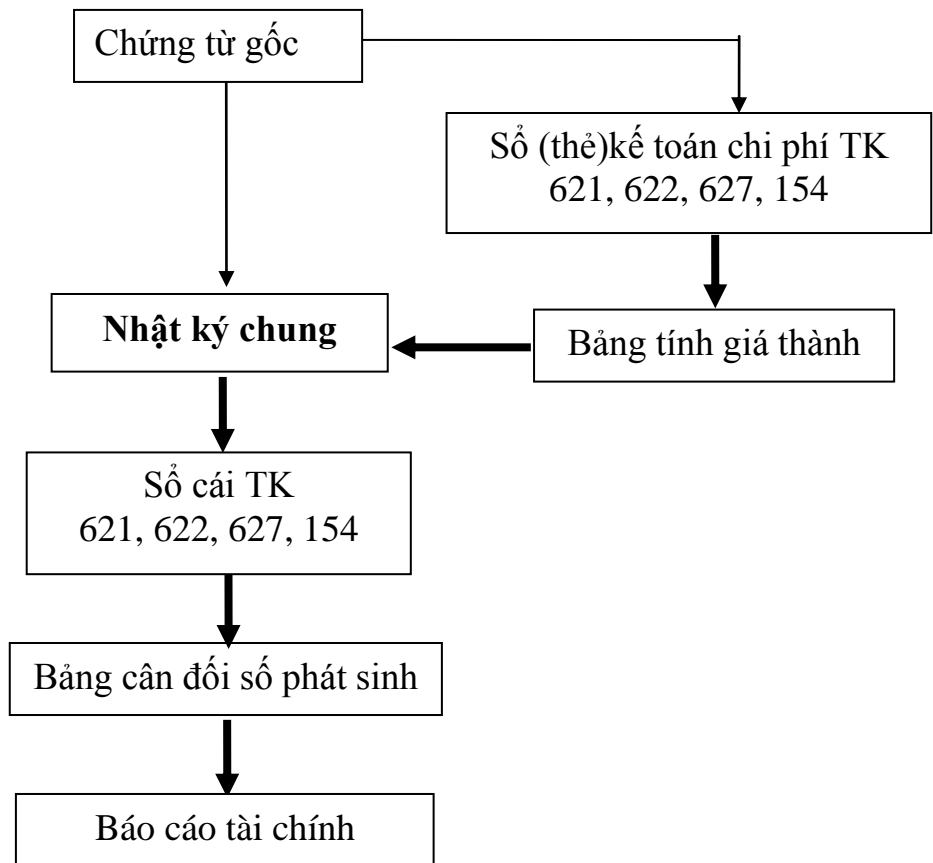


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi định kỳ
- <-.-.-> Quan hệ đối chiếu

1.9.4 Kế toán hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán nhật ký chung

Sơ đồ 1.9 Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký chung

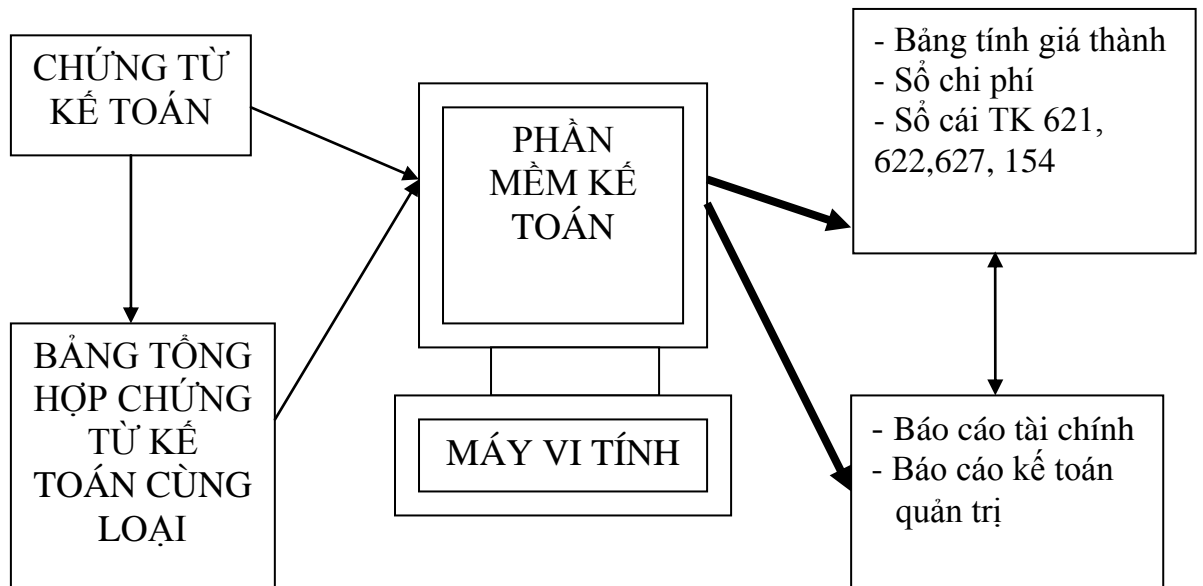


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi định kỳ
- <----> Quan hệ đối chiếu

1.9.5 Kế toán hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán máy vi tính

Sơ đồ 1.10 trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán máy vi tính



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi định kỳ
- <----> Quan hệ đối chiếu

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ MINH

2.1 Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh được thành lập: 05/05/2006

Tên công ty bằng chữ Tiếng Việt: Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh.

Tên công ty bằng tiếng nước ngoài: Hà Minh transport joint stock company.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 40, lô Đ, tập thể 6/1 đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: (031) 3551357

Fax: (031) 3551357

Email:haminhtransport@gmail.com

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

Số TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ	4530
2	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và các xe có động cơ khác	45200
3	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy	465
4	Bán buôn sắt thép	46622
5	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
6	Vận tải hành khách bằng taxi	49312
7	Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	49321
8	Vận tải đường thủy	50
9	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	52
10	Bốc xếp hàng hóa	5224
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229

Hiện tại ngành nghề kinh doanh chính là Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã hoàn thành được những mục tiêu đề ra, các chuyến hàng chạy liên tục trong suốt cả năm, luôn đáp ứng được những yêu cầu của khách hàng, tạo dựng được sự tin tưởng trong khách hàng.

Đến năm 2007 Công ty đã từng bước nâng cao hơn vị trí của mình trong lĩnh vực dịch vụ vận tải. Đã đầu tư mua thêm xe có trọng tải lớn hơn, hiện đại hơn để đáp ứng được những nhu cầu của khách hàng ngày càng nhiều.

Trong tương lai Công ty sẽ mở rộng thêm các lĩnh vực khác trong ngành nghề kinh doanh của mình và có các chuyến hàng đi khắp cả nước.

2.1.2 Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh

* Đặc điểm sản phẩm: Công ty được phép tổ chức kinh doanh trong 11 ngành nghề đã đăng ký: Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy, bán buôn sắt thép, vận tải hàng hóa bằng đường bộ...từ khi thành lập đến nay Công ty tập trung kinh doanh ngành nghề chính: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

* Đặc điểm quy trình công nghệ vận chuyển hàng hóa của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh

(1) Khi khách hàng có nhu cầu vận chuyển hàng hóa sẽ phải làm hợp đồng kinh tế giữa 2 bên do Phòng thương mại vận tải thực hiện.

(2) Sau đó chuyển phòng kế toán

(3) Trước khi trình Giám đốc ký duyệt hợp đồng, phòng kế toán tính toán giá thành chi phí của cung đường vận chuyển rồi chuyển cho Giám đốc.

(4) Giám đốc thực hiện ký hợp đồng với khách hàng.

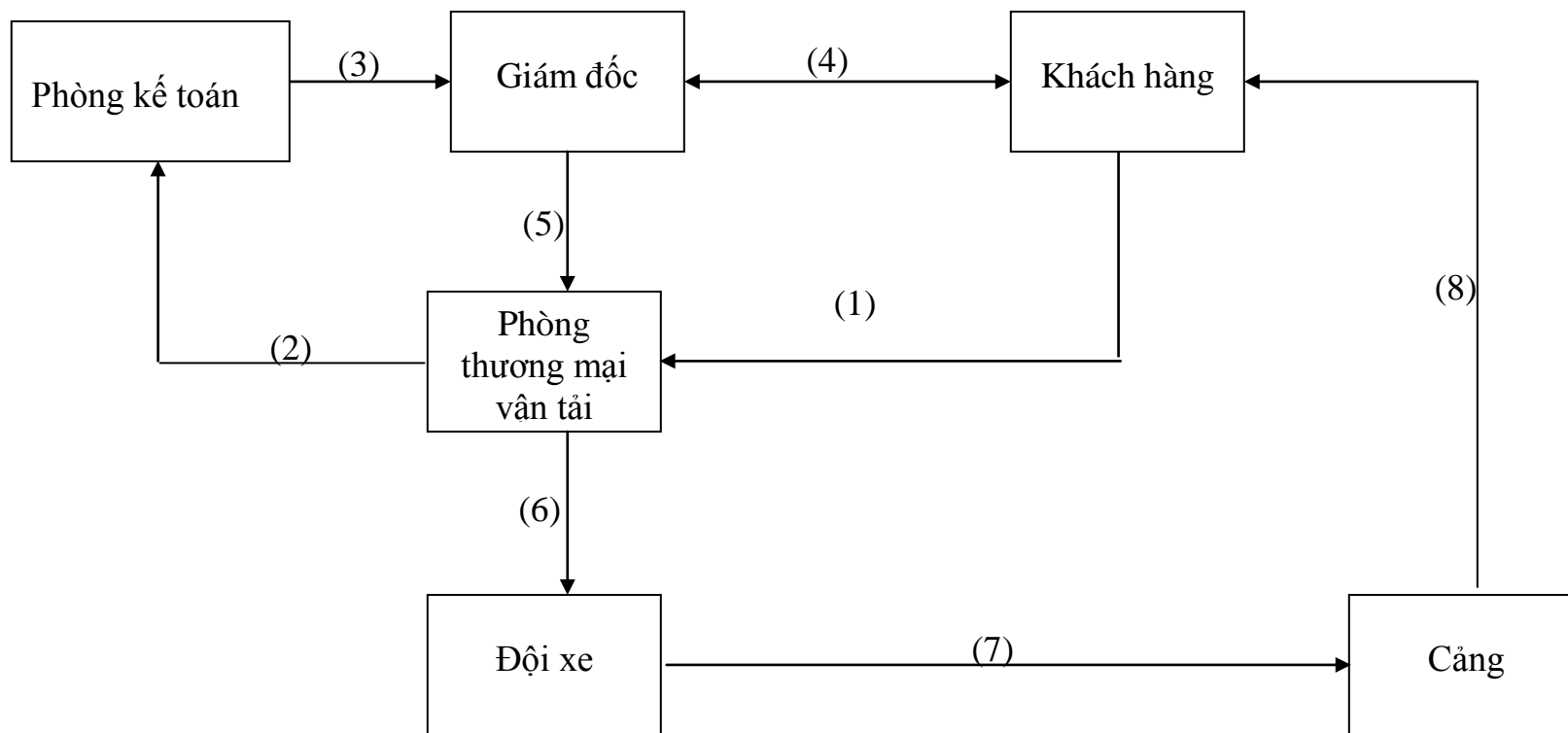
(5) Sau khi ký xong hợp đồng, giao cho phòng thương mại vận tải.

(6) Căn cứ vào khả năng cung cấp của đội xe sẽ viết Lệnh điều động xe.

(7) Đội xe nhận Lệnh điều xe, lái xe đến Cảng nhận và bốc xếp hàng hóa.

(8) Sau khi hoàn thành các thủ tục sẽ vận chuyển hàng hóa đến nơi khách hàng yêu cầu.

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ quy trình công nghệ vận chuyển hàng hóa tại Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh

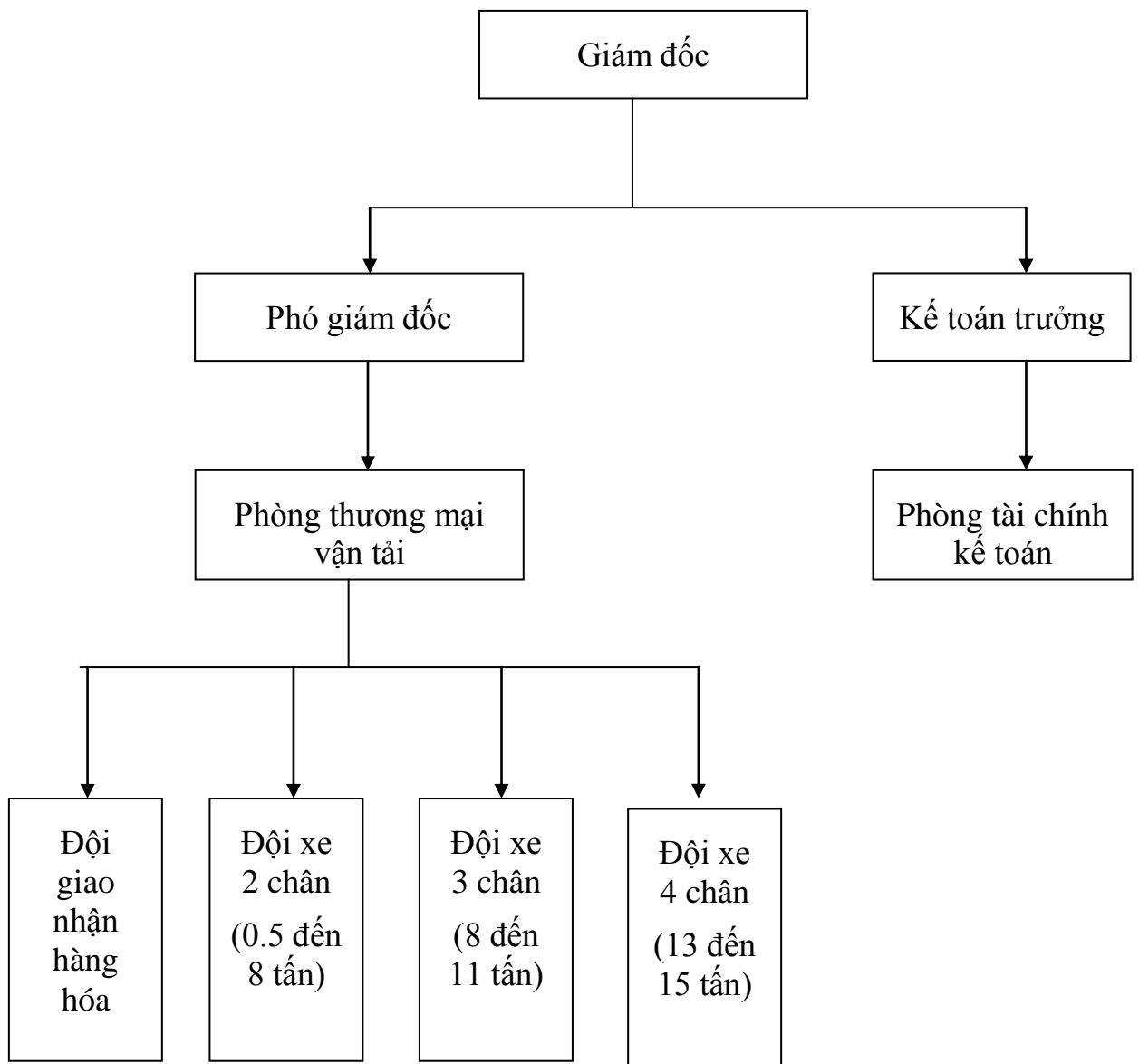


(Nguồn dữ liệu: tại Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh)

2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh

Công ty tổ chức mô hình quản lý theo kiểu trực tuyến chức năng tham mưu với phương châm gọn, nhẹ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ với bộ máy hoàn chỉnh các phòng ban phân định rõ ràng cụ thể.

Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ Phần Vận tải Hà Minh



(Nguồn dữ liệu: tại Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh)

Qua sơ đồ này ta thấy chức năng của các phòng ban như sau:

* Ban giám đốc công ty: Gồm 01 giám đốc và 01 phó giám đốc

- Giám đốc: là người đại pháp lý trước pháp luật đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và toàn bộ nhân viên Công ty, tổ chức lãnh đạo chung toàn Công ty.

- Phó giám đốc: tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Công ty, trực tiếp chỉ đạo tới các bộ phận.

* Các phòng ban chức năng:

Phòng thương mại vận tải: Chịu trách nhiệm khai thác đội xe của Công ty, tìm kiếm khách hàng có nhu cầu về vận tải, các dịch vụ vận tải đường bộ.

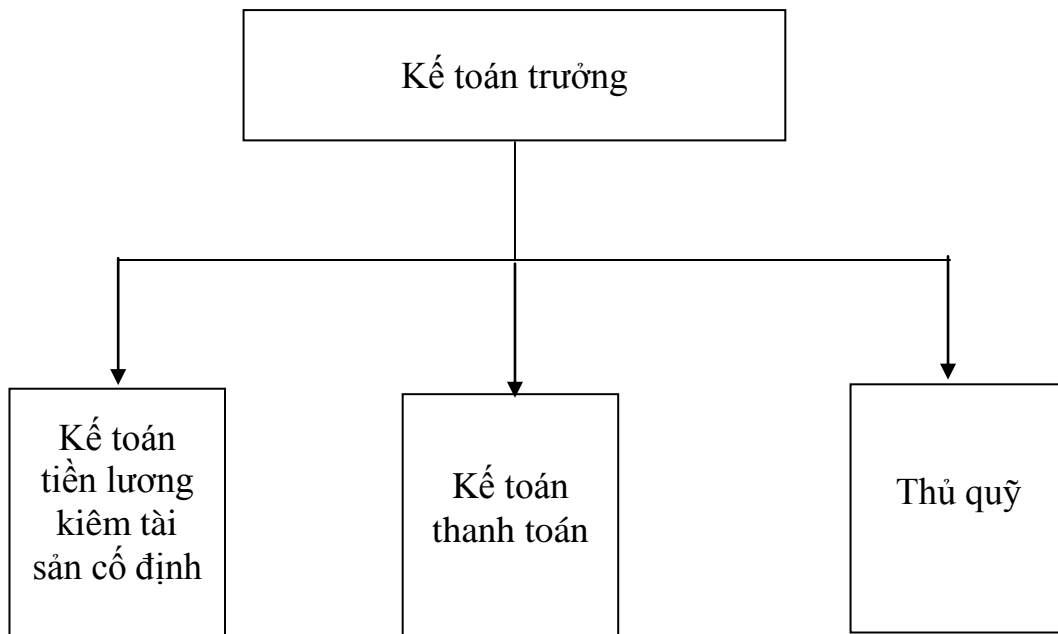
Phòng tài chính kế toán: Tham mưu cho Giám đốc về mặt tài chính kế toán, tổ chức quản lý các nguồn vốn, hạch toán kế toán đúng chế độ, đảm bảo vốn để đơn vị hoạt động liên tục có hiệu quả. Chỉ đạo công tác kế toán toàn doanh nghiệp, xác định kết quả kinh doanh. Qua đó phân tích đánh giá xác định kết quả kinh doanh của Công ty từ đó cùng với các phòng ban chức năng xác định bước phát triển của Công ty theo từng tháng, quý, thanh toán các khoản lương cho cán bộ nhân viên toàn Công ty. Lưu giữ hồ sơ, các chứng từ gốc liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế của Công ty, trích lập đầy đủ, đúng hạn các khoản nộp ngân sách Nhà nước.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh

2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh

Công tác kế toán do một bộ phận chuyên trách đảm nhận gọi là phòng Tài chính kế toán. Trong phòng kế toán trưởng quản lý và điều hành trực tiếp các kế toán viên. Các nhân viên có trách nhiệm hạch toán chi tiết, hạch toán tổng hợp, lập báo cáo đồng thời phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán toàn Công ty. Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung.

Sơ đồ 2.3. Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh



(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh)

Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán:

- Kế toán trưởng (Trưởng phòng): phụ trách công tác kế toán chung cho toàn Công ty, bao quát tất cả các số liệu, tổ chức hạch toán xác định phương thức kế toán áp dụng cho Công ty, cung cấp thông tin kinh tế cho lãnh đạo về công tác chuyên môn, kiểm tra tài chính...

- Kế toán tiền lương kiêm tài sản cố định: hàng tháng người kế toán có nhiệm vụ tính lương cho nhân viên Công ty. Về tài sản cố định, trích khấu hao tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định trong Công ty.

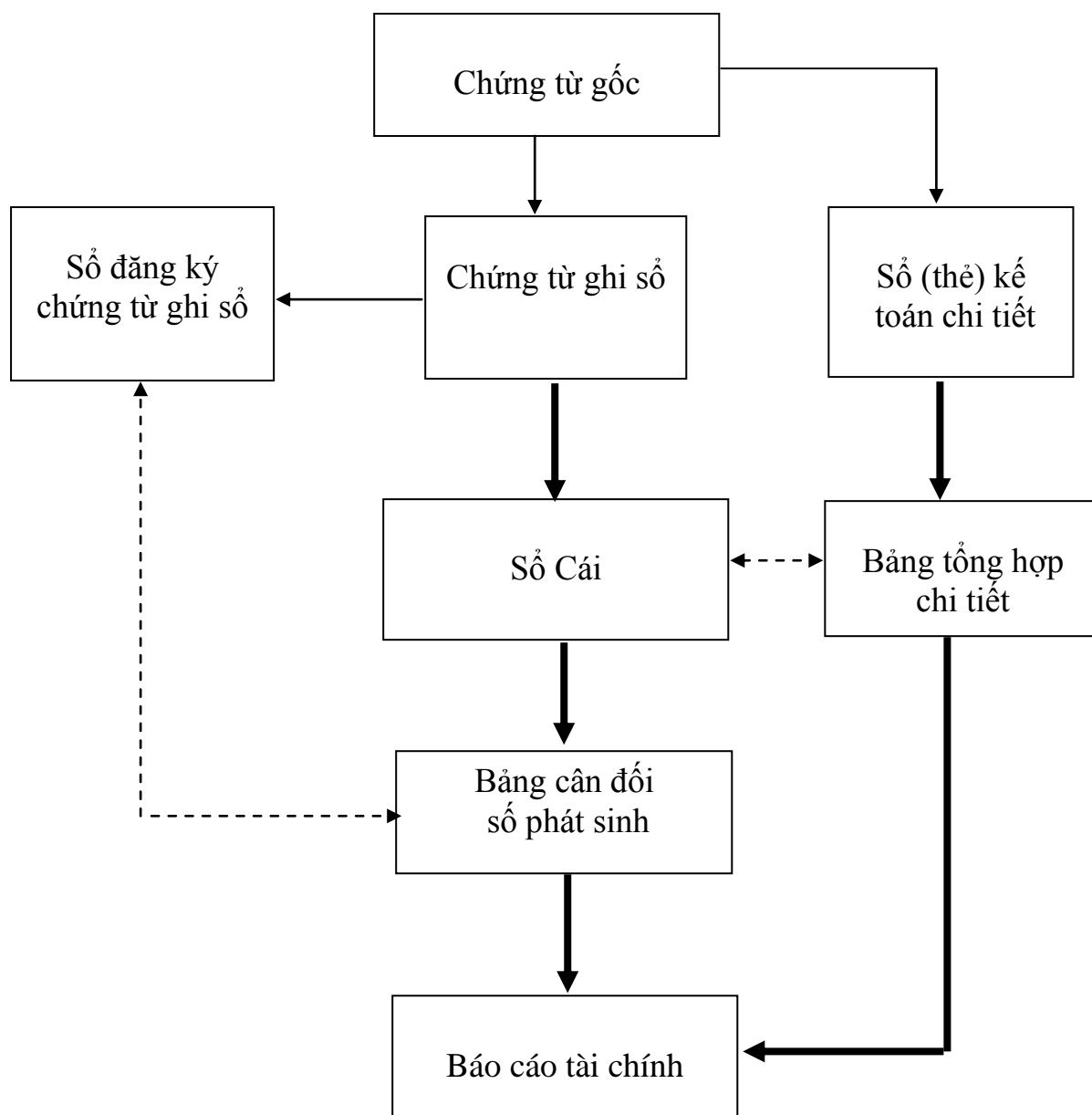
- Kế toán thanh toán: chuyên theo dõi các chứng từ liên quan đến phải thu, phải trả, phản ánh số hiện có và tình hình biến động số lượng tiền trong ngân hàng.

- Thủ quỹ có nhiệm vụ thu, chi tiền mặt trên cơ sở chứng từ thu và các chứng từ chi, giấy tạm ứng... Lập báo cáo tồn quỹ tiền mặt theo quy định.

2.1.4.2 Hình thức kế toán được áp dụng tại Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh

Hệ thống sổ kế toán sử dụng để ghi chép và tổng hợp số liệu, các chứng từ kế toán theo một trình tự và phương pháp ghi chép nhất định. Căn cứ vào “Chế độ kế toán doanh nghiệp” ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài Chính, căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức kế toán “Chứng từ ghi sổ”.

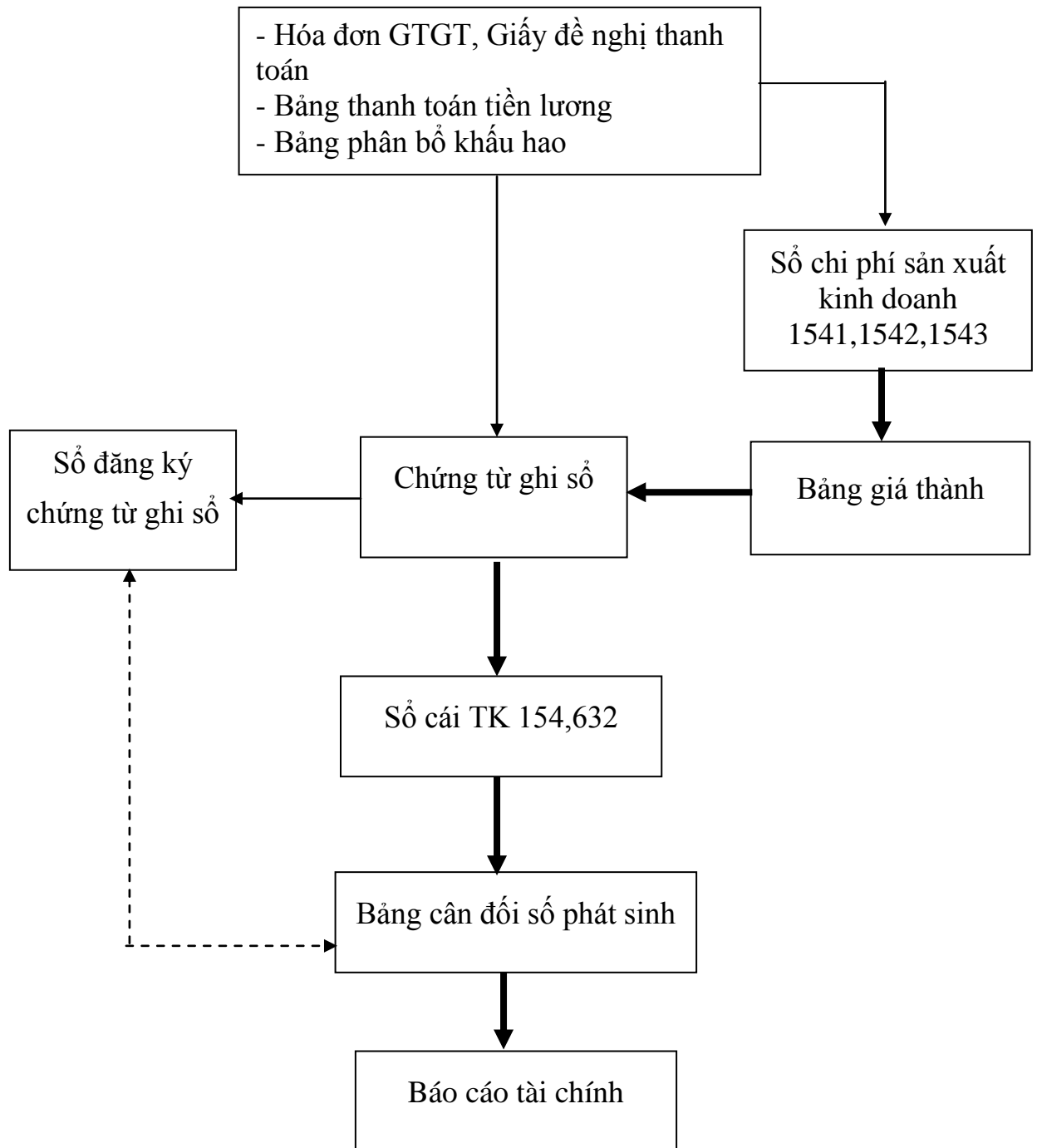
Sơ đồ 2.4. Sơ đồ ghi sổ theo hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày
—————> Ghi định kỳ
←-----> Đối chiếu

(Nguồn dữ liệu: Từ sách chế độ kế toán doanh nghiệp)

Sơ đồ 2.5. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú:
 —————> : Ghi hàng ngày
 —————> : Ghi định kỳ
 <-----> : Đối chiếu

(Nguồn dữ liệu: Sách Chế độ kế toán doanh nghiệp)

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh

2.2.1 Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm nhiều loại, nhiều thứ khác nhau. Công ty không sử dụng các TK 621, 622, 627 mà thông qua TK 1541, 1542, 1543. Cụ thể như sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (1541): bao gồm toàn bộ CPNVL được sử dụng trực tiếp cho xe ô tô như: xăng xe, dầu xe, mỡ ...

- Chi phí nhân công trực tiếp (1542): Bao Gồm tiền lương phải trả cho lái xe, phụ xe

- Chi phí sản xuất chung (1543): Bao gồm khấu hao xe, vé cầu đường, tiền thuê bãi xe, chi phí xăm lốp...

2.2.2 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh

Kế toán chi phí sản xuất là một bộ phận quan trọng của công tác kế toán vì có tập hợp chi phí sản xuất theo đúng đối tượng quy định thì mới phục vụ tốt cho công tác tính giá thành sản phẩm được trung thực và hợp lý.

Công ty xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất theo từng đội xe

Vì vận chuyển nhiều loại hàng hóa khác nhau nên kế toán công ty xác định định đối tượng tính giá thành: đồng/km vận chuyển.

2.2.3 Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm

Các chi phí thực tế của các chuyến hàng vận chuyển phát sinh liên tục. Tuy nhiên để đánh giá một cách tổng quát đầy đủ kịp thời công ty đã xác định kỳ tính giá thành theo tháng.

Các chi phí luôn phát sinh từ khi xe bắt đầu khởi hành từ nơi giao hàng đến nơi nhận hàng và từ nơi nhận hàng về. Để tập hợp được các chi phí thực tế phát sinh một cách đầy đủ. Công ty đã áp dụng phương pháp tính giá thành theo phương pháp trực tiếp (phương pháp giản đơn)

2.2.4 Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh

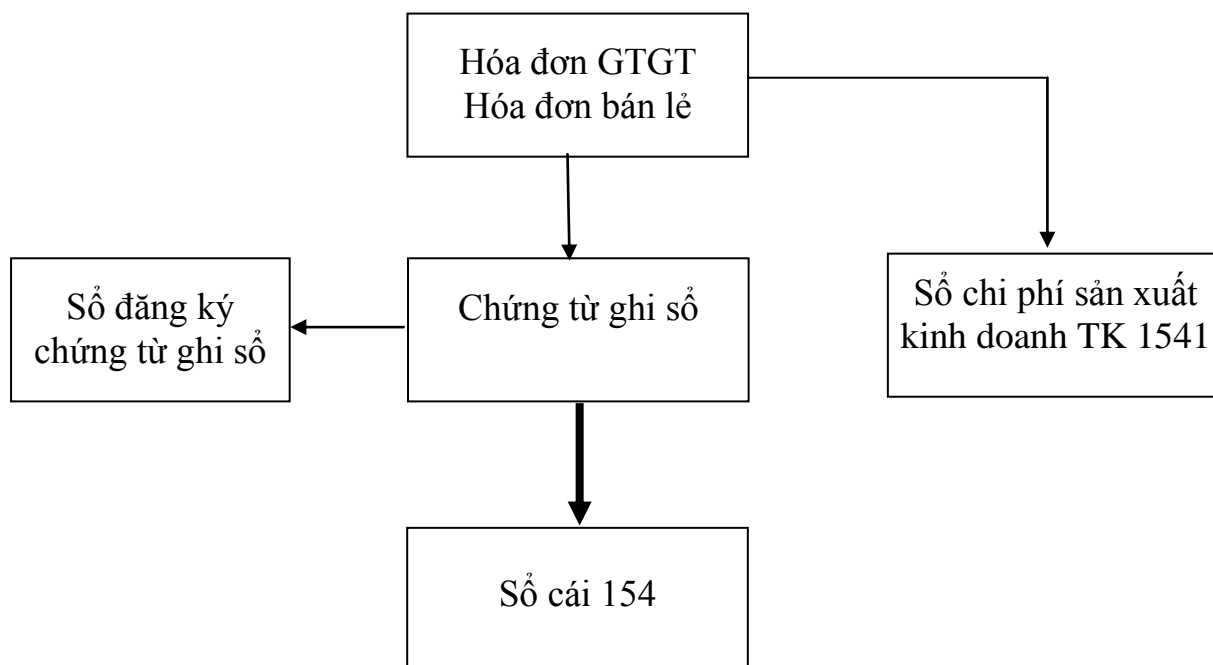
2.2.4.1 Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh

- Tài khoản sử dụng 1541: chi phí dầu diesel, dầu máy, dầu mỡ

- Hệ thống sổ sách: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK1541, Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ cái TK154.

- Trình tự hạch toán theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.6. Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí đầu nguyên vật liệu trực tiếp



(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh)

Ví dụ: Ngày 12/12/2008 công ty TNHH Thuận Thành có yêu cầu vận chuyển hàng lên Hà Nội theo đơn đặt hàng. Phòng thương mại vận tải viết lệnh điều xe cho đội xe 3, điều xe ô tô mang biển kiểm soát 16L-0270 đi nhận và chuyển hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ MINH
Địa chỉ: 40 lô D, TT 6/1, Nguyễn Trãi, Hải Phòng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

LỆNH ĐIỀU XE

- Căn cứ vào HĐKT đã ký kết giữa 2 bên.

- Căn cứ vào tình hình tại thời điểm vận chuyển hàng hóa và khả năng cung cấp của đội xe.

Thay mặt Giám Đốc công ty, Phòng thương mại vận tải điều động:

- xe mang biển kiểm soát 16L-0270
- 1 lái xe, 1 phụ xe
- Nhận hàng gạo tại cảng Hải Phòng
- Giao hàng tại kho Công ty TNHH Thuận Thành
- Thời gian: vào 7^h00 ngày 12/12/2008

Kính báo để các cơ quan chức năng cùng bạn hàng tạo điều kiện cho Công và toàn thể đội xe nghiêm chỉnh thực hiện.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 12 năm

2008

Trưởng phòng Thương mại Vận Tải
(Ký tên, đóng dấu)

Phạm Việt Hùng

Sau khi nhận lệnh xe ô tô mang biển kiểm soát 16L-0270 sẽ mua dầu Diesel tại các cây xăng và lấy hóa đơn GTGT với mẫu như sau:



CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III
Cửa hàng/Trạm: **An Lạc**

ĐT:031 850 533, Fax: 031 850 533

MST: 0200 120 833 – 1

TK: 003 100 000 1560

PETROLIMEX Ngân hàng Ngoại Thương HP

HÓA ĐƠN GTGT

Liên 2: **Khách hàng**

Ngày: **12/12/2008**

Ca : **2**

Mẫu số : 04

Ký hiệu : KV3/2007T

169685

Người / Đơn vị mua hàng: **CTY CP Vận tải Hà Minh**
Địa chỉ: **Số 44 lô Đ, TT 6/1 Nguyễn Trãi – NQ – HP**
Mã số thuế: **0200815031**

Chứng từ số: **KV3001-22-54-020139**
Mã quản lý: **MNX: 54/Mã giá: 20/Mã nguồn:30**
Kho xuất: **CHKV3001322**

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1x2
	Diesel 0.05%S	060205	lít	100	10.636	1.063.600^d
Ghi chú: Thuế suất thuế GTGT: 10%						1. Cộng tiền hàng: 1.063.600^d
						2. Tiền thuế GTGT: 106.360^d
						3. LPXD: 300đ/lít
						4. Tổng cộng tiền thanh toán: 1.199.960^d

Số tiền viết bằng chữ: **Một triệu một trăm chín mươi chín ngàn chín trăm sáu mươi đồng./.**

Người lập phiếu

Người mua hàng

Kế toán

Thủ trưởng đơn vị

Ngoài dầu diesel thì mỗi tháng các bộ phận của xe như: bulông, ốc vít... cần được bôi trơn bằng dầu mỡ được mua trực tiếp bên ngoài thị trường

Ví dụ: Mua dầu mỡ tại cửa hàng Anh Dũng ngày 8/12/2008

CỬA HÀNG ANH ĐỨC

Địa chỉ: Số 13, Trần Nguyên Hãn, Hải Phòng

Số điện thoại: (031) 3551.662

HÓA ĐƠN BÁN LẺ

Ngày ..8.. tháng..12.. năm..2008..

STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Mỡ bò	phi	1	300.000	300.000	
Tổng cộng			1		300.000	
Số tiền viết bằng chữ: <i>..Ba trăm ngàn đồng chẵn..</i> /.....						

Người mua
(Ký, họ tên)

Người bán
(Ký, họ tên)

Dầu máy được thay định kỳ theo số km vận chuyển. Công ty quy định xe chạy được 5000km thay dầu máy một lần.

Ví dụ: Xe ô tô mang biển kiểm soát 16L- 0270 chạy được 5000km sẽ phải thay 28 lít dầu máy với đơn giá ghi trên hóa đơn GTGT mua của Công ty xăng dầu khu vực III



CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III
Cửa hàng/Trạm: **An Lạc**
ĐT: 031 850 533, Fax: 031 850 533
MST: 0200 120 833 – 1
TK: 003 100 000 1560

PETROLIMEX Ngân hàng Ngoại Thương HP

HÓA ĐƠN GTGT

Liên 2: **Khách hàng**

Ngày: **25/12/2008**

Ca : **2**

Mẫu số : 04

Ký hiệu : KV3/2007T

186755

Người / Đơn vị mua hàng: **CTY CP Vận tải Hà Minh**
Địa chỉ: **Số 44 lô Đ, TT 6/1 Nguyễn Trãi – NQ – HP**

Chứng từ số: **KV3001-22-54-060809**

Mã quản lý: **MXN: 56/Mã giá: 40/Mã nguồn: 50**

Mã số thuế: **0200815031**Kho xuất: **CHKV5786842**

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1x2
	Dầu máy	080706	lít	28	46.000	1.288.000
Ghi chú: Thuế suất thuế GTGT: 10%						1.288.000
1. Cộng tiền hàng:						128.800
2. Tiền thuế GTGT:						
3. LPXD: .. 0 đ/lít						
4. Tổng cộng tiền thanh toán:						1.416.800

Số tiền viết bằng chữ: **Một triệu bốn trăm mười sáu ngàn tám trăm đồng chẵn./.**

Người lập phiếu

Người mua hàng

Kế toán

Thủ trưởng đơn vị

Cuối tháng từng đội sẽ tập hợp các hóa đơn xăng dầu từ các lái xe sau đó sẽ chuyển cho phòng kế toán. Nhân viên kế toán có trách nhiệm tập hợp các hóa đơn để vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh 1541, chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái 154

Vì quy mô kinh doanh còn nhỏ Công ty chưa có kho để chứa nguyên liệu. Nên các nguyên liệu mua về được xuất dùng thẳng không nhập kho vì bơm trực tiếp tại các địa điểm xăng dầu vào xe theo từng lần (hoặc từng chuyến đi). Vì vậy kế toán không viết phiếu nhập kho, xuất kho.

Ví dụ: Cuối tháng đội xe 3 chân tập hợp hóa đơn mua nguyên liệu của cả đội. Chuyển cho phòng kế toán tập hợp chi phí để vào sổ để tính giá thành.

Biểu số 2.1

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ MINH

Số 40, Lô Đ, TT 6/1, Nguyễn Trãi, Hải Phòng

Mẫu số S36-DNBan hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ tài chính**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH****Tài khoản: 1541****Đội xe: 3 chân**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra		
SH	NT			Nợ	Có	Dầu mỡ	Dầu Diesel	Dầu máy
		Số dư đầu kỳ (T12/08)						
.....
HDBL	8/12	Thanh toán tiền mua dầu mỡ	111	300.000		300.000		
.....
169685	12/12	Thanh toán tiền mua dầu Diesel	111	1.063.600			1.063.600	
.....
186755	25/12	Thanh toán tiền mua dầu máy	111	1.288.000				1.288.000
.....
PKT	31/12	Kết chuyển CPNVLT	632		94.246.828			
		Cộng phát sinh		94.246.828	94.246.828	1.900.000	87.482.828	4.864.000
		Số dư cuối kỳ						

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Trích từ Sổ chi phí sản xuất kinh doanh 1541 T12/2008)

Biểu số 2.2

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ MINH

Số 40, Lô Đ, TT 6/1, Nguyễn Trãi, Hải Phòng

Mẫu số S02a-DNBan hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính**CHỨNG TỪ GHI SỔ****Số: 030**

Ngày 8 tháng 12 năm 2008

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Thanh toán tiền mua dầu mỡ HĐBL	1541	111	300.000	
Cộng			300.000	

kèm theo.... 01.... Chứng từ gốc

Ngày 8 tháng 12 năm 2008

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)**Biểu số 2.3**

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ MINH

Số 40, Lô Đ, TT 6/1, Nguyễn Trãi, Hải Phòng

Mẫu số S02a-DNBan hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính**CHỨNG TỪ GHI SỔ****Số: 087**

Ngày 12 tháng 12 năm 2008

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Thanh toán tiền mua dầu Diesel HĐ 169685	1541	111	1.063.600	
VAT tiền xăng dầu	133	111	106.360	
Lệ phí xăng dầu	642	111	30.000	
Cộng			1.199.960	

kèm theo.... 01.... Chứng từ gốc

Ngày 12 tháng 12 năm 2008

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.4

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ MINH
Số 40, Lô Đ, TT 6/1, Nguyễn Trãi, Hải Phòng

Mẫu số S02a-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính

CHỨNG TỪ GHI SỔ**Số: 120**

Ngày 25 tháng 12 năm 2008

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Thanh toán tiền mua dầu máy HD 186755	1541	111	1.288.000	
VAT tiền dầu máy	133	111	128.800	
Cộng			1.416.800	

kèm theo.... 01.... Chứng từ gốc

Ngày 25 tháng 12 năm 2008

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.5

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ MINH
Số 40, Lô Đ, TT 6/1, Nguyễn Trãi, Hải Phòng

Mẫu số S02b-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**Năm: 2008**

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....
030	8/12	300.000
.....
087	12/12	1.199.960
.....
120	25/12	1.416.800
.....
160	31/12	94.246.828
.....
Cộng tháng		4.945.007.189

Biểu số 2.6

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ MINH

Số 40, Lô Đ, TT 6/1, Nguyễn Trãi, Hải Phòng

Mẫu số S02c1-DNBan hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ tài chính**SỔ CÁI****Năm 2008****Tên TK: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang****Số hiệu: 154**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>SDĐK (Tháng 12/2008)</u>			
.....
8/12	30	8/12	Thanh toán tiền mua dầu mỡ HĐBL	111	300.000	
.....
12/12	087	12/12	Thanh toán tiền mua dầu Diezel HĐ 169685	111	1.063.600	
.....
25/12	120	25/12	Thanh toán tiền mua dầu máy HĐ 186755	111	1.288.000	
.....
31/12	160	31/12	Kết chuyển chi phí nguyên liệu trực tiếp	632		94.246.828
.....
			Cộng phát sinh		171.482.828	171.482.828
			<u>SDCK</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

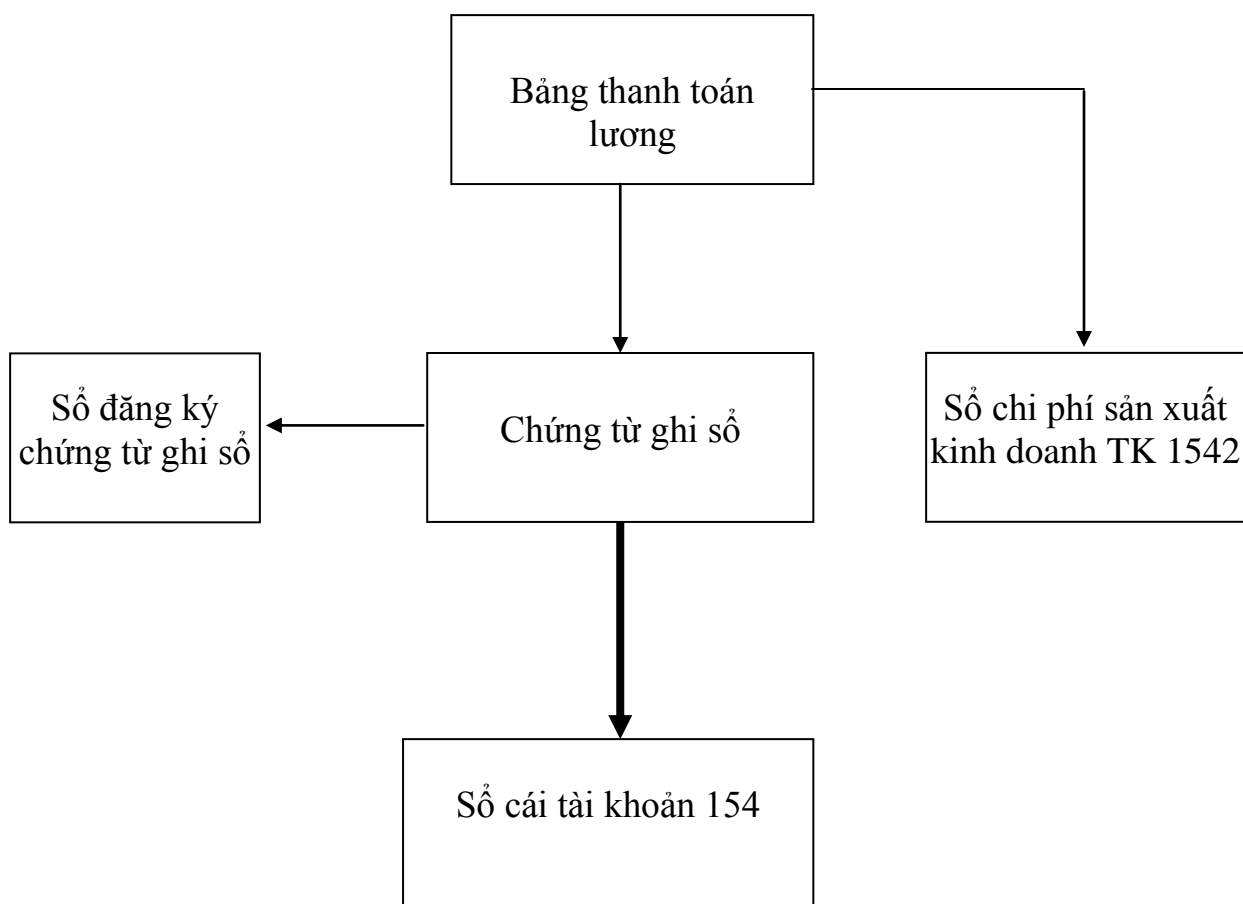
Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: trích từ Sổ cái TK154- T12/2008)

2.2.4.2 Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh

- Tài khoản sử dụng: TK 1542
- Hệ thống sổ sách: Bảng thanh toán lương, Chứng từ chi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 1542, Sổ cái TK 154
- Trình tự hạch toán

Sơ đồ 2.7. Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí nhân công trực tiếp



(Nguồn dữ liệu: phòng kế toán Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh)

Công ty áp dụng hình thức trả lương theo thời gian căn cứ để tính lương là bảng chấm công. Riêng đội xe chấm công theo ngày đi chở hàng. Lương thực tế hàng tháng sẽ được tính theo công thức sau:

$$\text{Lương thực tế tháng} = \frac{\text{Mức lương thỏa thuận theo hợp đồng}}{30 \text{ ngày}} \times \text{Số ngày công thực tế}$$

Công ty không hạch toán các khoản trích theo lương bao gồm: BHYT, BHXH, KPCĐ cho người lao động. Chính vì vậy lương thực tế tháng là thực lĩnh công ty trả cho người lao động.

Ví dụ: Lái xe Hà Kỳ Thụ của đội xe 3 chân được trả với mức lương 5.000.000^d/ tháng được ghi trong hợp đồng lao động và ngày 24 công thực tế

$$\text{Lương thực lĩnh} = \frac{5.000.000}{30} \times 24 = 4.000.000^d$$

Người lao động sẽ ký hợp đồng lao động trực tiếp với Giám đốc Công ty theo mẫu sau:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng ngày 20 tháng 09 năm 2007

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

*(Ban hành kèm theo TT số 21/2003/TT - BLĐTBXH ngày 22/9/2003
của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội)*

Chúng tôi, một bên là Ông:....**NGUYỄN HUY CHUẨN**Quốc tịch:....**Việt Nam**..

Chức vụ:....**Giám đốc**.....

Đại diện cho(1): ..**CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ MINH**...Điện thoại:.. **551357**.....

Địa chỉ:.... **Số 40, Lô Đ, TT6/1, Nguyễn Trãi, Hải Phòng**.....

Và một bên là Ông:**HÀ KỶ THỤ** Quốc tịch:.... Việt Nam.....

Sinh ngày **.15**... tháng **.5**... năm 1982.... tại... **Hải Phòng**....

Nghề nghiệp (2):

Địa chỉ thường trú: **117 Lê Lai, Máy chai, Ngô Quyền, Hải Phòng**.....

Số CMTND:..**030978754**... cấp ngày **.11/.05./1996**.../..... tại:..**Hải Phòng**.....

Số sổ lao động (nếu có):..... cấp ngày .../.../... tại:.....

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng:.....

- Loại hợp đồng lao động (3):.....**Hợp đồng có thời hạn 01 năm**.....

- Từ ngày **20** tháng **09** năm **2007** đến ngày **20** tháng **09** năm **2008**

- Thử việc từ ngày **.20.** tháng **.09.** năm **.2007.** đến ngày **20** tháng **10** năm **2007**

- Địa điểm làm việc (4):**Tại xe ô tô Công ty CP Vận tải Hà Minh**.....

- Chức danh chuyên môn: ..**Lái xe**..... Chức vụ (nếu có):.....

- Công việc phải làm (5):....**Lái xe**....

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc (6):..... **Tùy thuộc vào công việc**.....

- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm:....**Xe ô tô, giấy đăng ký, bảo hiểm**

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc (7):.....**Xe công ty**.....

- Mức lương chính hoặc tiền công (8):.....**5.000.000^d/tháng**.....

- Hình thức trả lương:.....**Tiền mặt**.....

- Phụ cấp gồm (9):.....**không có**.....

- Được trả lương vào các ngày.....**30**.....hàng tháng.

- Tiền thưởng:..... **Tùy theo tình hình tài chính của Công ty**.....

- Chế độ nâng lương:.....**Tùy theo năng lực chuyên môn**.....

- Được trang bị bảo hộ lao động gồm:.....**Không**.....

- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép,năm...):..**Theo quy định của Công ty**....

- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (10):..**Theo quy định nhà nước**.....

-
-
- Chế độ đào tạo (11):.....**Không**.....
 - Những thỏa thuận khác (12):.....**Không**.....

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động ...
- Bồi thường vi phạm và vật chất (13):.....**Nếu có sai phạm trong nghề nghiệp dẫn đến thiệt hại lớn cho Công ty, hợp đồng này sẽ chấm dứt**.....

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc?)
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng qui định của thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày **.20...** tháng **.09...** năm **2007** Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại....**Hải Phòng**... ngày **.20...** tháng **...09...** năm **...2007..**

Người lao động
(Ký tên)
Ghi rõ Họ và Tên

Người sử dụng lao động
(Ký tên, đóng dấu)
Ghi rõ Họ và Tên

Hà Kỳ Thụ

Nguyễn Huy Chuẩn

Biểu số 2.7

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ MINH
Số 40, lô D, TT6/1, Nguyễn Trãi, Máy Tơ, NQ, HP
MST: 0200815031

BẢNG LƯƠNG THÁNG 12 NĂM 2008

Đơn vị: Đội xe 3 chân

Stt	Họ tên	Chức vụ	Mức lương thỏa thuận theo hợp đồng	Tổng công thực tế	Thực lĩnh
1	Hà Kỳ Thu	Lái xe	5.000.000	24	4.000.000
2	Phạm Văn Hiệp	Phụ xe	3.000.000	24	2.400.000
3	Trần Văn Hải	Lái xe	5.000.000	21	3.500.000
....
Tổng cộng			24.000.000	144	19.500.000

*Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008*Người lập
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: trích từ bảng lương T12/2008)

Bảng lương do kế toán lập và Giám đốc sẽ ký duyệt hàng tháng. Để phản ánh chi phí nhân công trực tiếp từ bảng lương kế toán sẽ vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh 1542, chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 154

Biểu số 2.8

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ MINH

Số 40, Lô Đ, TT 6/1, Nguyễn Trãi, Hải Phòng

Mẫu số S36-DNBan hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ tài chính**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH****Tài khoản: 1542****Đội xe 3 chân**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra	
SH	NT			Nợ	Có	Lái xe	Phụ xe
		Số dư đầu kỳ (T12/08)					
BL12	31/12	Tiền lương cho lái xe	334	12.000.000		12.000.000	
BL12	31/12	Tiền lương cho phụ xe	334	7.500.000			7.500.000
PKT	31/12	Kết chuyển CPNCTT	632		19.500.000		
		Cộng phát sinh		19.500.000	19.500.000	12.000.000	7.500.000
		Số dư cuối kỳ					

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: trích từ Sổ chi phí sản xuất kinh doanh 1542-T12/2008)

Biểu số 2.9

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ MINH

Số 40, Lô Đ, TT 6/1, Nguyễn Trãi, Hải Phòng

Mẫu số S02a-DNBan hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ tài chính**CHỨNG TỪ GHI SỔ****Số: 159**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Tiền lương cho đội xe 3 chân	1542	334	19.500.000	
Cộng			19.500.000	

kèm theo.... 01.... Chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)**Biểu số 2.10**

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ MINH

Số 40, Lô Đ, TT 6/1, Nguyễn Trãi, Hải Phòng

Mẫu số S02b-DNBan hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ****Năm: 2008**

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....
159	31/12	19.500.000
160	31/12	19.500.000
.....
Cộng tháng		4.945.007.189

(Nguồn dữ liệu: Trích sổ đăng ký chứng từ ghi sổ T12/2008)

Biểu số 2.11

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ MINH

Số 40, Lô Đ, TT 6/1, Nguyễn Trãi, Hải Phòng

Mẫu số S02c1-DNBan hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ tài chính**SỔ CÁI****Năm 2008****Tên TK: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang****Số hiệu: 154**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>SDDK (Tháng 12/2008)</u>			
31/12	159	31/12	Tiền lương cho đội xe 3 chân	334	19.500.000	
31/12	160	31/12	Kết chuyển chi phí nhân công	632		19.500.000
.....
			Cộng phát sinh		171.482.828	171.482.828
			<u>SDCK</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: trích Sổ cái TK 154- T12/2008)

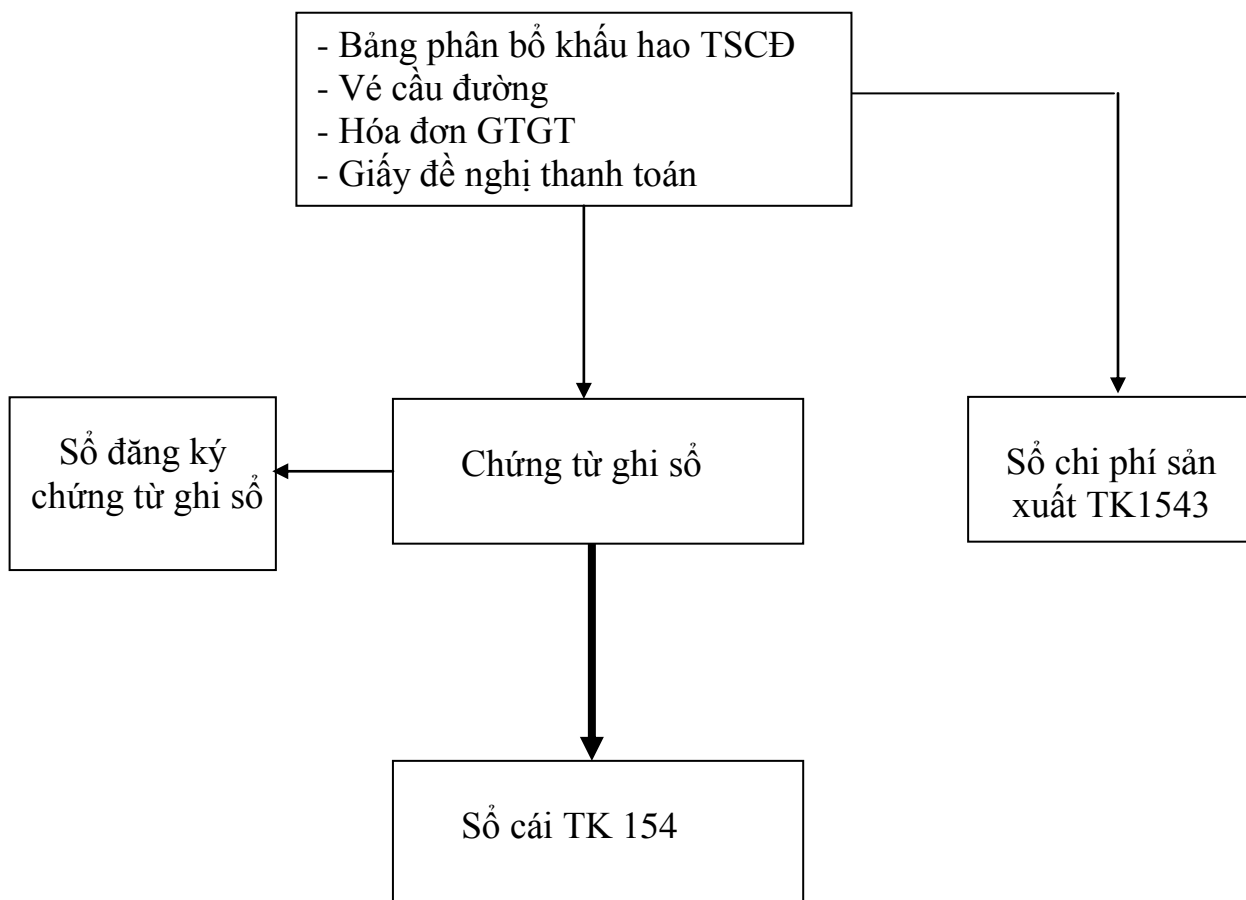
2.2.4.4. Hạch toán chi phí sản xuất chung tại Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh

- Tài khoản sử dụng TK 1543: gồm Chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí sắm lớp, chi phí dịch vụ khác

- Hệ thống sổ sách: Bảng theo dõi và phân bổ khấu hao TSCĐ, Bảng phân bổ trích trước chi phí sắm lớp, Sổ chi phí sản xuất TK1543, chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ cái TK154

- Trình tự hạch toán:

Sơ đồ 2.8. Trình tự hạch toán chi phí sản xuất chung



(Nguồn dữ liệu phòng kế toán Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh)

*** Chi phí khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định trong công ty là: nhà cửa, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải... Đây là những TSCĐ thuộc quyền sở hữu của Công ty. Công ty có quyền định đoạt, sử dụng các tài sản đó trên cơ sở chấp hành đúng thủ tục quy định Công ty.

Công ty sử dụng phương pháp khấu hao đường thẳng theo công thức sau:

Công thức:

$$M_{KH \text{ tháng}} = NG/Số \text{ tháng sử dụng}$$

Công ty quy định các phương tiện vận tải khấu hao hết trong vòng 72 tháng. Việc phân bổ khấu hao TSCĐ được kế toán lập thành bảng theo dõi hàng tháng

Ví dụ: Bảng phân bổ khấu hao của Đội xe 3 chân

Biểu số 2.12

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ MINH
Số 40, lô D, TT6/1, Nguyễn Trãi, Máy Tơ, NQ, HP
MST: 0200815031

BẢNG PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

ĐỘI XE 3 CHÂN

Tháng 12 năm 2008

STT	Diễn giải	Nguyên giá	Thời gian phân bổ (tháng)	Mức khấu hao
1	Xe ô tô 16L-0270	315.000.000	72	4.375.000
2	Xe ô tô 16L-3424	450.000.000	72	6.250.000
3	Xe ô tô 16L -5658	619.200.000	72	8.600.000
Tổng cộng		1.385.000.000	216	19.225.000

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập
(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Trích bảng phân bổ khấu hao TSCĐ T12/2008)

* **Chi phí sắm lốp:** Trong quá trình vận tải, sắm lốp bị hao mòn với mức độ nhanh nên thường phải thay thế nhiều lần nhưng giá trị sắm lốp thay thế không tính vào giá thành vận tải ngay một lúc khi xuất dùng thay thế, mà phải chuyển dần từng tháng. Vì vậy hàng tháng công ty phải trích trước chi phí sắm lốp vào giá thành vận tải. Kế toán lập bảng phân bổ trích trước chi phí sắm lốp như sau:

Biểu số 2.13

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ MINH
Số 40, lô D, TT6/1, Nguyễn Trãi, Máy Tơ, NQ, HP
MST: 0200815031

BẢNG PHÂN BỐ TRÍCH TRƯỚC CHI PHÍ SẮM LỐP

ĐỘI XE 3 CHÂN

Tháng 12 năm 2008

STT	Diễn giải	Nguyên giá	Thời gian phân bổ (tháng)	Mức khấu hao
1	Xe ô tô 16L-0270	42.000.000	30	1.400.000
2	Xe ô tô 16L-3424	45.000.000	30	1.500.000
3	Xe ô tô 16L -5658	48.000.000	30	1.600.000
Tổng cộng		1.385.000.000	90	4.500.000

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh)

* **Chi phí dịch vụ khác:** như phí cầu đường, tiền bãi xe, nộp thuế trước bạ, chi phí sửa chữa xe, bảo hiểm xe...

Ví dụ: Tuyến Hải phòng – Hà Nội chở hàng cho Công ty TNHH Thuận Thành chạy ngày 12/12/2008 của xe biển kiểm soát: 16L-0270 phải qua 2 trạm thu phí. Xe chạy cả tuyến phải dùng 4 vé cầu đường trị giá 40.000^d/vé với mẫu như sau:

<p>CÔNG TY QUẢN LÝ VÀ SỬA CHỮA ĐƯỜNG BỘ 240 <u>TRAM THU PHÍ SỐ 2 - QUỐC LỘ 5</u></p> <p>Liên 3: Giao cho người nộp tiền</p> <p>Xê ri: AA/2008 0049205</p> <p>PHÍ ĐƯỜNG BỘ Xe có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng container 20 fit</p> <p>40.000 đồng/lượt</p>	<p>CÔNG TY QUẢN LÝ VÀ SỬA CHỮA ĐƯỜNG BỘ 240 <u>TRAM THU PHÍ SỐ 2 - QUỐC LỘ 5</u></p> <p>Liên 3: Giao cho người nộp tiền</p> <p>Xê ri: AA/2008 0049133</p> <p>PHÍ ĐƯỜNG BỘ Xe có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng container 20 fit</p> <p>40.000 đồng/lượt</p>
<p>CÔNG TY QUẢN LÝ VÀ SỬA CHỮA ĐƯỜNG BỘ 240 <u>TRAM THU PHÍ SỐ 2 - QUỐC LỘ 5</u></p> <p>Liên 3: Giao cho người nộp tiền</p> <p>Xê ri: AA/2008 0049507</p> <p>PHÍ ĐƯỜNG BỘ Xe có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng container 20 fit</p> <p>40.000 đồng/lượt</p>	<p>CÔNG TY QUẢN LÝ VÀ SỬA CHỮA ĐƯỜNG BỘ 240 <u>TRAM THU PHÍ SỐ 2 - QUỐC LỘ 5</u></p> <p>Liên 3: Giao cho người nộp tiền</p> <p>Xê ri: AA/2008 0049243</p> <p>PHÍ ĐƯỜNG BỘ Xe có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng container 20 fit</p> <p>40.000 đồng/lượt</p>

Kê toán tập hợp các chứng từ do các đội xe gửi về rồi thực hiện vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang 1543, Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ chi sổ, Sổ Cái TK 154. Đễ cuối tháng tập hợp CPSXC tính giá thành vận tải

Biểu số 2.14

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ MINH

Số 40, Lô Đ, TT 6/1, Nguyễn Trãi, Hải Phòng

Mẫu số S36-DNBan hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ tài chính**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH****Tài khoản: 1543****Đội xe 3 chân**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra		
SH	NT			Nợ	Có	Xăm lớp	Khấu hao TSCĐ	Khác
		Số dư đầu kỳ (T12/08)						
.....
PCĐ	12/12	Thanh toán phí cầu đường	111	160.000				160.000
.....
BTT	31/12	Trích trước chi phí xăm lớp T12	242	4.500.000		4.500.000	
BKH	31/12	Khấu hao TSCĐ T12	214	19.225.000			19.225.000
PKT	31/12	Kết chuyển CPSXC	632		57.736.000			
		Cộng phát sinh		57.736.000	57.736.000	4.500.000	19.225.000	34.011.000
		Số dư cuối kỳ						

Người lập
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Trích Sổ chi phí sản xuất kinh doanh 1543 – T12/200)

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.15

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ MINH

Số 40, Lô Đ, TT 6/1, Nguyễn Trãi, Hải Phòng

Mẫu số S02a-DNBan hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính**CHỨNG TỪ GHI SỔ****Số: 088**

Ngày 12 tháng 12 năm 2008

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Thanh toán phí cầu đường chuyên Hải Phòng- Hà Nội	1543	111	160.00	
Cộng			160.000	

kèm theo.... 01.... Chứng từ gốc

Ngày 12 tháng 12 năm 2008

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)**Biểu số 2.16**

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ MINH

Số 40, Lô Đ, TT 6/1, Nguyễn Trãi, Hải Phòng

Mẫu số S02a-DNBan hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ tài chính**CHỨNG TỪ GHI SỔ****Số: 157**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Khấu hao TSCĐ đội xe 3 chân T12	1543	214	19.225.000	
Cộng			19.225.000	

kèm theo.... 01.... Chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.17

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ MINH

Số 40, Lô Đ, TT 6/1, Nguyễn Trãi, Hải Phòng

Mẫu số S02a-DNBan hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ tài chính**CHỨNG TỪ GHI SỔ****Số: 158**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Trích trước chi phí xăm lớp T12	1543	242	4.500.000	
Cộng			4.500.000	

kèm theo.... 01.... Chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)**Biểu số 2.18**

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ MINH

Số 40, Lô Đ, TT 6/1, Nguyễn Trãi, Hải Phòng

Mẫu số S02b-DNBan hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ****Năm: 2008**

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....
088	12/12	160.000
.....
157	31/12	19.225.000
158	31/12	4.500.000
.....
160	31/12	57.736.000
.....
Cộng tháng		4.945.007.189

Biểu số 2.19

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ MINH

Số 40, Lô Đ, TT 6/1, Nguyễn Trãi, Hải Phòng

Mẫu số S02c1-DNBan hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ tài chính**SỔ CÁI****Năm 2008****Tên TK: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang****Số hiệu: 154**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>SDDK (Tháng 12/2008)</u>			
.....
12/12	088	12/12	Thanh toán phí cầu đường tuyến HP- HN	111	160.000	
.....
31/12	157	31/12	Khấu hao TSCĐ T12	214	19.255.000	
31/12	158	31/12	Trích trước chi phí xấp xỉ T12	242	4.500.000	
31/12	160	31/12	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	632		57.736.000
.....
			Cộng phát sinh		171.482.828	171.482.828
			<u>SDCK</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.4.4 Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm

- Tài khoản sử dụng: TK 1541, 1542, 1543, 632
- Sổ sách sử dụng: Sổ cái TK 632, bảng kê quãng đường vận chuyển
- Nội dung tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành tại Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh

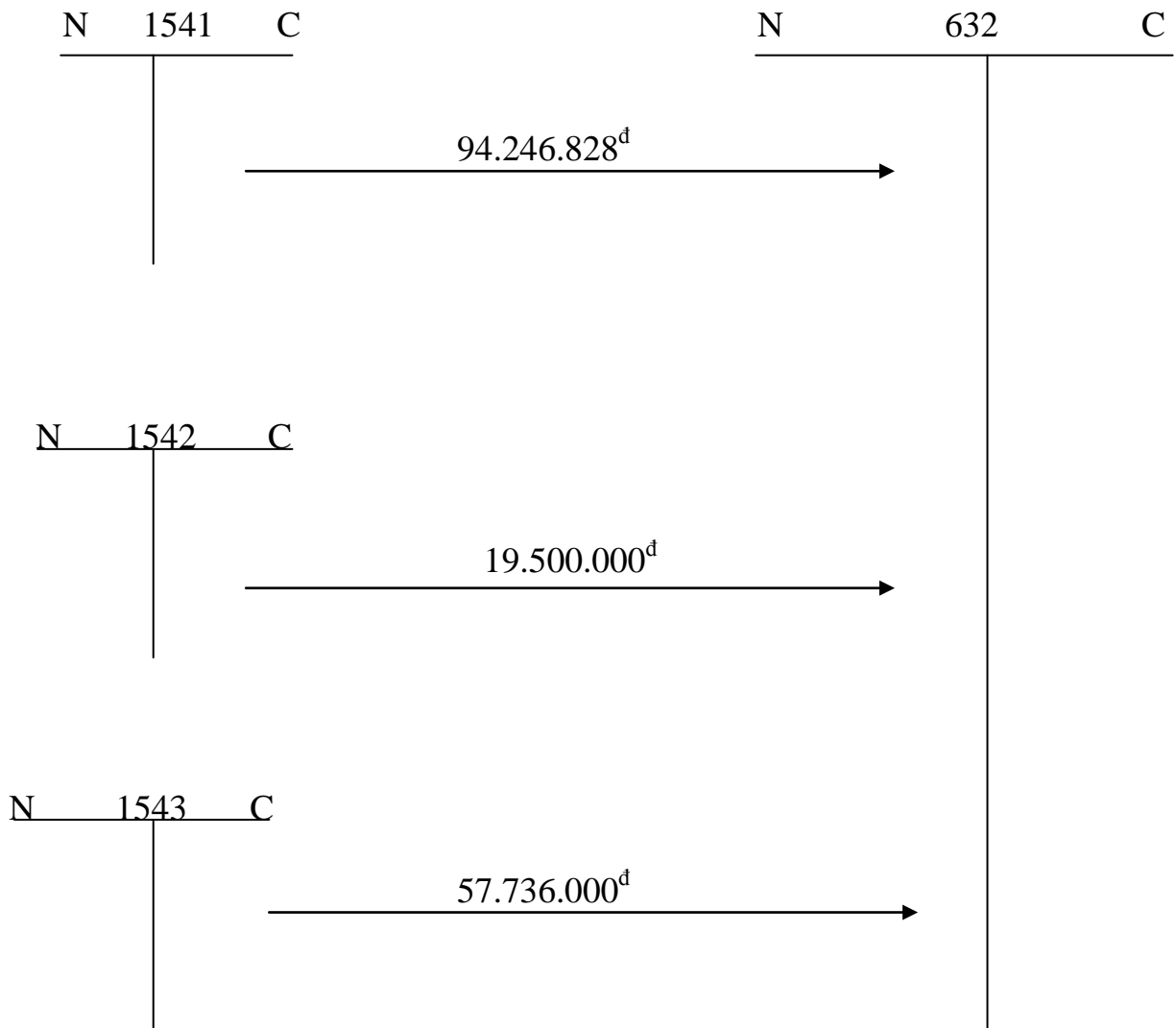
Sau khi đã tập hợp các chi phí phát sinh của cả tháng, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để tính giá thành vận tải. Kế toán lập bảng kê quãng đường vận chuyển của từng đội xe, lập bảng tổng hợp chi phí, bảng tính giá thành, lập Sổ cái TK632. Công ty lựa chọn phương pháp tính giá thành theo phương pháp giản đơn vì nhiên liệu mua về công ty cho sử dụng hết nên không có chi phí nhiên liệu dở dang đầu kỳ và chi phí nhiên liệu dở dang cuối kỳ

Theo công thức

$$\begin{array}{l} * \quad \text{Tổng giá trị vận} \\ \quad \text{tải hoàn thành} \\ \quad \text{trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng chi phí} \\ \text{vận tải phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} * \quad \text{Giá thành đơn vị} \\ \quad \text{vận tải} \end{array} = \frac{\text{Tổng giá trị vận tải hoàn thành trong kỳ}}{\text{Tổng số km vận chuyển}}$$

Sơ đồ 2.9 Sơ đồ kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang



Biểu số 2.20

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ MINH
Số 40, lô D, TT6/1, Nguyễn Trãi, Máy Tơ, NQ, HP
MST: 0200815031

BẢNG KÊ QUÃNG ĐƯỜNG VẬN CHUYỂN

Tháng 12/2008

Đội xe 3 chân

STT	Diễn giải	Quãng đường (Km)
1	Xe ô tô 16L - 0270	5103
2	Xe ô tô 16L - 3424	4250
3	Xe ô tô 16L - 5658	3634
Tổng cộng		12.987

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.21

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ MINH
Số 40, lô D, TT6/1, Nguyễn Trãi, Máy Tơ, NQ, HP
MST: 0200815031

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH

Số lượng: 12.987Km

STT	Chỉ tiêu	CPNVLT	CPNCTT	CPSXC	Tổng cộng
1.	DDĐK	-	-	-	-
2.	PSTK	94.246.828	19.500.000	57.736.000	171.482.828
3.	DDCK	-	-	-	-
4.	Tổng giá thành	94.246.828	19.500.000	57.736.000	171.482.828
	Giá thành đơn vị	7.257	1.502	4.445	<u>13.204</u>

Vận giá thành đơn vị của 1km vận chuyển : **13.204đ/km**

Biểu số 2.22

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ MINH
Số 40, Lô Đ, TT 6/1, Nguyễn Trãi, Hải Phòng

Mẫu số S02c1-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ tài chính

SỔ CÁI
Năm 2008
Tên TK: Giá vốn hàng bán
Số hiệu: 632

Ngày tháng ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>SDDK (Tháng 12/2008)</u>			
31/12	160	31/12	Kết chuyển chi phí nguyên liệu trực tiếp	1541		94.246.828
31/12	160	31/12	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	1542		19.500.000
31/12	160	31/12	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	1543		57.736.000
31/12	161	31/12	Kết chuyển giá vốn	911	171.482.828	171.482.828
			Cộng phát sinh		171.482.828	171.482.828
			<u>SDCK</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
(Nguồn dữ liệu: Trích Sổ cái TK632- T12/2008)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ MINH

3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh

Trong các doanh nghiệp, tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là khâu quan trọng của công tác kế toán. Tập hợp chính xác và đầy đủ chi phí sẽ tính được giá thành chính xác, tạo điều kiện cung cấp thông tin cho các nhà quản lý, đưa ra quyết định đúng đắn nhằm tăng năng xuất lao động, hạ giá thành sản phẩm góp phần mang lại thắng lợi cho doanh nghiệp trong điều kiện cạnh tranh của nền kinh tế thị trường.

Xuất phát từ nhận thức đổi mới về mọi mặt và tầm quan trọng của việc tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh đã xây dựng mô hình gọn nhẹ, chính xác, hiệu quả đã có nhưng thay đổi mới trong công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm làm bộ máy kế toán năng động và gắn chặt trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy hiểu biết thực tế chưa nhiều cũng như chưa có nhiều thời gian tìm hiểu kỹ công tác kế toán tại Công ty Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh nhưng qua bài khóa luận này, em xin mạnh dạn đưa ra ý kiến, nhận xét, đánh giá về những ưu điểm mà công ty đã đạt được cũng như những tồn tại cần tiếp tục hoàn thiện trong tổ chức công tác kế toán nói chung và trong kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh.

3.1.1. Ưu điểm

Thứ nhất: Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh từ khi thành lập đến nay đã trải qua nhiều khó khăn song với nỗ lực của bản thân cũng như sự giúp đỡ của các cơ quan hữu quan. Công ty đã hoàn thành được những mục tiêu đặt ra, các chuyên vận chuyên hàng chạy liên tục trong suốt cả năm không có những khoản thiệt hại lớn nào. Luôn đáp ứng được những yêu cầu của khách hàng, tạo dựng được sự tin tưởng ở khách hàng, không ngừng phát triển và khẳng định vị trí của mình trên thị trường, từng bước hòa nhập với nhịp điệu phát triển của đất nước.

Thứ hai: Công ty có bộ máy quản lý gọn nhẹ với sự kết hợp nhịp nhàng của các phòng ban chức năng đã giúp lãnh đạo công ty nắm bắt được hết tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty để đưa ra những quyết định chính xác kịp thời.

Thứ ba: Công ty tổ chức hạch toán kế toán phù hợp với mô hình hoạt động kinh doanh của công ty thông qua việc áp dụng hình thức kế toán "chứng từ ghi sổ". Đây là hình thức phù hợp với chế độ kế toán hiện hành đồng thời phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra, đối chiếu chi tiết theo chứng từ.

Thứ tư: Phòng kế toán Công ty tổ chức, phân công nhiệm vụ rõ ràng đáp ứng được yêu cầu công việc đồng thời phát huy được năng lực chuyên môn của từng nhân viên. Đảm bảo cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty được nhanh chóng, chính xác, kịp thời.

Với những ưu điểm về quản lý và hạch toán chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm nêu trên, đã có tác động tích cực đến việc tiết kiệm chi phí sản xuất hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của phòng kế toán công ty cũng không thể tránh khỏi những khó khăn và hạn chế cần phải hoàn thiện.

3.1.2. Hạn chế

Thứ nhất:

Hiện nay công ty chưa hạch toán các khoản trích theo lương cho người lao động, các khoản trích bao gồm: BHXH, BHYT, KPCĐ nên nhân viên công ty chưa được hưởng các chế độ.

Thứ hai: Quy mô kinh doanh còn nhỏ với nguồn vốn kinh doanh còn ít, phạm vi hoạt động vẫn còn hạn chế.

Trang thiết bị công ty còn lạc hậu, phòng kế toán công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán máy nên công tác kế toán vẫn còn mang tính chất thủ công.

Các xe vận chuyển hầu hết là xe đã qua sử dụng, dẫn đến tình trạng hay gặp những trục trặc nhỏ khi đưa vào hoạt động.

Trong 11 ngành nghề kinh doanh đã đăng ký Công ty mới chỉ tập chung vào một ngành nghề chính là “ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ” nên hạn chế trong việc tìm kiếm các nguồn hàng.

Thứ ba: Trong quá trình từ nơi giao hàng về, Công ty vẫn để chạy xe không. Mặc dù không tổn thất đến doanh thu của Công ty nhưng dẫn đến tình trạng lãng phí, không tận dụng được tối đa khả năng vận chuyển của xe và năng lực của lái xe. Làm cho mất cơ hội tăng thêm doanh thu cho Công ty.

Thứ tư: Xăng dầu mua về không nhập kho mà được đổ trực tiếp tại các cây xăng. Cuối tháng từng đội xe sẽ gửi các hóa đơn đó về phòng kế toán. Phòng kế toán chỉ theo dõi nguyên liệu tiêu hao theo các hóa đơn mà không theo dõi được tình hình sử dụng thực tế cũng như chưa có các biện pháp kiểm tra chặt chẽ làm ảnh hưởng đến việc tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp dẫn đến việc tính giá thành còn thiếu chính xác. Ngoài ra còn nhiều hiện tượng tiêu cực

Thứ năm: Hiện nay Công ty sử dụng các TK 1541, 1542, 1543 để hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm. Việc sử dụng các tài khoản này không phù hợp với chế độ kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dẫn đến việc hạch toán khó khăn.

Thứ sáu: Công ty áp dụng phương pháp tính giá thành theo phương pháp giản đơn nhưng hiện tại công thức tính giá thành:

$$\begin{array}{ccc} \text{Tổng giá trị vận} & & \text{Tổng chi phí vận} \\ \text{tải hoàn thành} & = & \text{tải thực tế phát} \\ \text{trong kỳ} & & \text{sinh trong kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá thành đơn} & = & \frac{\text{Tổng chi phí vận tải thực tế phát sinh trong kỳ}}{\text{Tổng số km vận chuyển}} \\ \text{vị vận tải} & & \end{array}$$

Trong công thức không có CPSX dở dang đầu kỳ và CPSX dở dang cuối kỳ mà thực tế nhiên liệu mua về đổ vào các xe đến cuối tháng vẫn còn nhưng công ty lại không hạch toán mà coi như sử dụng hết làm giá thành vận tải không chính xác.

Ngoài ra công ty xác định đối tượng tính giá thành: đồng/Km vận chuyển không phù hợp với hoạt động vận tải hàng hóa vì khi đó xe chờ hàng nhiều hay ít đều được tính với mức giá như nhau làm ảnh hưởng đến doanh thu của công ty.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Hiện nay, trong xu thế phát triển chung của nền kinh tế thế giới, đặc biệt với cơ chế thị trường mở, nước ta đã và đang tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia vào thị trường tiềm năng mới. Đây chính là những cơ hội, những thách thức để các doanh nghiệp tự khẳng định, tìm chỗ đứng vững chắc của mình trên thị trường. Muốn vậy mỗi doanh nghiệp phải luôn chủ động tìm cho mình phương thức hoạt động có hiệu quả đáp ứng kịp thời sự phát triển của nền kinh tế toàn cầu. Để thực hiện được chiến lược này, vấn đề đầu tiên mà mỗi doanh nghiệp quan tâm, đặc biệt coi trọng là nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

Nhận thức được vấn đề trên, Công ty cần phải sử dụng hợp lý các nguồn lực đầu vào, khắc phục tình trạng thất thoát lãng phí trong quá trình tập hợp chi phí. Vì thế kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đóng vai

trò quan trọng trong hệ thống kế toán toàn Công ty. Bởi lẽ nhưng thông tin cung cấp từ bộ phận này không chỉ nhằm mục đích tính đúng, tính đủ chi phí để từ đó tính toán được giá thành một cách chính xác linh hoạt, mặt khác nó còn là những chỉ tiêu kinh tế tổng hợp đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó tính tất yếu đối với Công ty là phải hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải phù hợp với xu thế phát triển chung của toàn thế giới để có khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

3.3. Yêu cầu và phương pháp hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất – tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh

Việc hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất – tính giá thành sản phẩm nói riêng cần dựa trên những tiêu chuẩn sau:

- Đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Vì mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm riêng nên vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và quy mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.

- Đảm bảo sự tuân thủ thống nhất chặt chẽ giữa những quy định trong điều lệ tổ chức kế toán Nhà Nước, trong chế độ kế toán do Bộ Tài Chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù ngành sản xuất kinh doanh.

- Đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy phải tổ chức kế toán khoa học hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt được cao nhất với chi phí thấp nhất.

- Đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời chính xác để nhà quản lý đưa ra các quyết định đúng đắn.

3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh

Bên cạnh những ưu điểm mà công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm Công ty đã làm được vẫn còn một số hạn chế làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Bằng những kiến thức đã được học đối chiếu giữa lý luận và thực tiễn em xin đưa ra một số kiến nghị sau:

3.4.1. Kiến nghị 1: Về hạch toán các khoản trích theo lương cho người lao động

Công ty chưa hạch toán các khoản trích theo lương phải trả người lao động theo chế độ quy định. Vì vậy cần nhanh chóng thực hiện các chế độ về BHXH, BHYT, KPCĐ đối với cán bộ công nhân viên trong Công ty. Các quỹ này được hình thành từ việc trích theo tỷ lệ quy định như biểu 3.1

Biểu số 3.1

BẢNG TỶ LỆ TRÍCH BHXH, BHYT, KPCĐ

STT	Nội dung	Người lao động (Trừ vào lương)	Chủ doanh nghiệp tính vào chi phí kinh doanh
1	Quỹ BHXH	5%	15%
2	Quỹ BHYT	1%	2%
3	Quỹ KPCĐ	0%	2%
Tổng cộng		6%	19%

Ví dụ: Mức lương thỏa thuận trên hợp đồng của Lái xe Hà Kỳ Thu :5.000.000^d tháng. Theo bảng chấm công được 24 công ta có:

$$\text{Lương thực tế tháng} = \frac{5.000.000}{30} \times 24 = 4.000.000 \text{ (đồng/tháng)}$$

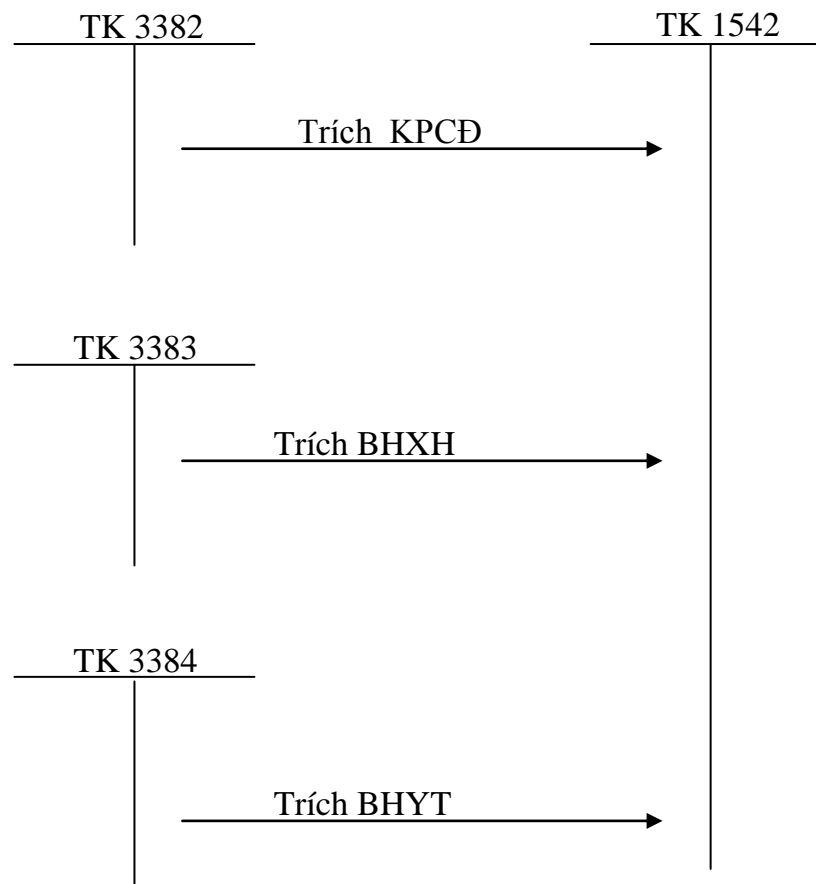
$$\begin{aligned} * \text{ Trích BHXH} &= \text{Lương thỏa thuận theo hợp đồng lao động} \times 5\% \\ &= 5.000.000 \times 5\% = 250.000^d \end{aligned}$$

* Trích BHYT = Lương thỏa thuận theo hợp đồng lao động x 1%
= 5.000.000 x 1% = 50.000^d

* Thực lĩnh = Lương thực tế tháng - BHXH – BHYT
= 4.000.000 - 250.000 - 50.000.000 = 3.700.000^d

Cuối tháng kế toán căn cứ vào bảng thanh toán lương của nhân viên trong Công ty. Thực hiện bút toán theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 3.1 Sơ đồ hạch toán các khoản trích theo lương



Khi Công ty thực hiện việc trích các khoản theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ). Đối với người lao động sẽ được hưởng các khoản trợ cấp BHXH, BHYT khi bị ốm đau, tai nạn lao động... góp phần khuyến khích người lao động hăng say làm việc, tạo niềm tin, gắn bó người lao động với Công ty. Đối với Công ty, các khoản trích theo lương tính vào chi phí sẽ làm cho giá thành sản phẩm phản ánh đúng, đủ các yếu tố chi phí, đồng thời thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ doanh nghiệp đối với người lao động.

3.4.2 Kiến nghị 2: Về tình hình sử dụng cho phí nguyên vật liệu trực tiếp và công thức tính giá thành sản phẩm

Phòng kế toán công ty chỉ theo dõi nguyên liệu xuất dùng trên chứng từ mà không theo dõi tình hình sử dụng thực tế nguyên liệu. Nếu nguyên liệu dùng không hết lúc đó hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sẽ nhiều hơn so với thực tế sử dụng làm cho việc tính giá thành thiếu chính xác. Để giám sát tình hình sử dụng nguyên liệu theo định mức kinh tế kỹ thuật, tránh tình trạng lãng phí thì định kỳ công ty nên cử cán bộ kế toán, cán bộ kỹ thuật đi kiểm tra số lượng và chất lượng nguyên liệu đã sử dụng còn tồn lại của từng xe, khi đó sẽ biết được chi phí nguyên liệu còn tồn ở phương tiện vận tải đầu kỳ và cuối kỳ. Vì vậy công thức tính giá thành sản phẩm theo phương pháp giản đơn là:

$$\begin{array}{r} \text{Tổng giá trị vận} \\ \text{tải hoàn thành} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Chi phí nguyên} \\ \text{liệu tồn ở phương} \\ \text{tiện đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Tổng chi phí} \\ \text{vận tải phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí nguyên liệu} \\ \text{tồn ở phương tiện} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{Giá thành} \\ \text{đơn vị vận tải} \end{array} = \frac{\text{Tổng giá trị vận tải hoàn thành trong kỳ}}{\text{Khối lượng vận tải hoàn thành}}$$

Kiểm kê định kỳ nguyên liệu xuất dùng và công thức tính giá thành như trên sẽ giúp cho công ty tránh tình trạng hao hụt nguyên liệu, đồng thời phản ánh đúng, chính xác giá thành sản phẩm của Công ty

3.4.3 Kiến nghị 3: Về đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành sản phẩm

Hiện nay công ty xác định đối tượng tập hợp chi phí là từng đội xe, và đối tượng tính giá thành là đồng/km vận chuyển. Như vậy sẽ không phản ánh đúng đối tượng tính giá thành khi vận chuyển các mặt hàng có khối lượng cụ thể như: lương thực, sắt thép... Vì vậy công ty phải xác định lại đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành sản phẩm như sau:

- Đối với những hợp đồng vận chuyển hàng hóa có khối lượng cụ thể và vận chuyển theo từng đơn hàng. Khi đó đối tượng tập hợp chi phí là từng đơn hàng và đối tượng tính giá thành vận tải của từng đơn hàng là đồng/tấn/km vận chuyển.

- Đối với những hợp đồng vận chuyển các mặt hàng không có khối lượng cụ thể như: cây cảnh, bàn ghế...không có đơn hàng riêng thì cuối tháng kế toán tập hợp các chi phí phát sinh rồi tính giá thành vận tải cho một km vận chuyển.

Với cách xác định đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành như trên sẽ giúp cho Công ty có mức giá cước vận chuyển hợp lý, cụ thể cho từng mặt hàng vận chuyển.

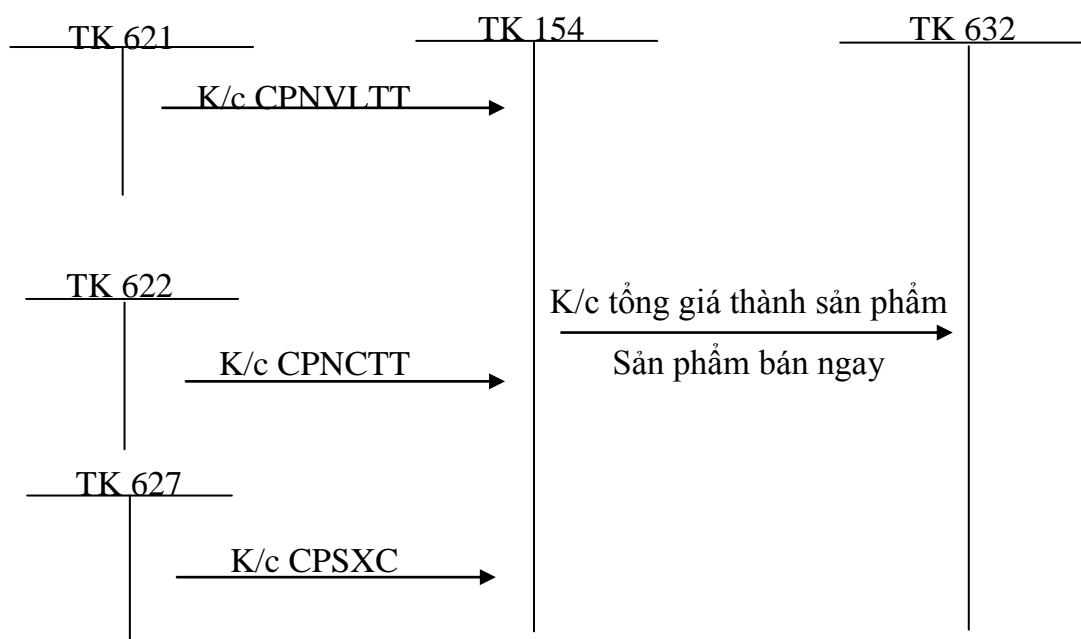
3.4.4. Kiến nghị 4: Về tài khoản, sổ sách sử dụng để hạch toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm

Công ty sử dụng TK1541, TK1542, TK1543 để hạch toán CPNVLTT, CPNCTT, CPSXC không đúng với chế độ kế toán vì TK 154 chỉ mở chi tiết cho từng loại hoạt động (Vận tải hành khách, vận tải hàng hóa...) theo từng đơn vị hoặc bộ phận kinh doanh dịch vụ. Vì vậy công ty phải sử dụng:

- TK 621 hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- TK 622 hạch toán chi phí nhân công trực tiếp
- TK 627 hạch toán chi phí sản xuất chung
- TK 154 tập hợp tổng chi phí và tính giá thành vận tải.

Quá trình tập hợp chi phí và tính giá thành sẽ được thực hiện theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 3.2 Sơ đồ kết chuyển chi phí tính giá thành sản phẩm



Kế toán công ty phải mở Sổ chi phí sản xuất kinh cho TK621, TK622, TK627, Sổ Cái: TK 621, 622, 627, 154, 632 thay cho hệ thống sổ đang sử dụng.

Việc thay đổi tài khoản, sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí như trên không những giúp cho công ty áp dụng đúng chế độ kế toán mà còn góp phần vào công tác tập hợp chi phí và tính giá thành tại công ty được rõ ràng thuận tiện hơn.

3.4.5 Kiến nghị 5: Về việc vận chuyển hàng hóa

Trong quá trình từ nơi giao hàng về, công ty vẫn để chạy xe không, mặc dù điều này không tổn thất đến doanh thu của công ty nhưng dẫn đến tình trạng lãng phí. Công ty cần phải có biện pháp khắc phục tình trạng đó. Với các tuyến cố định như Hải Phòng – Hà Nội, Hải Phòng – Quảng Ninh.... Công ty nên chủ động liên hệ với các cửa hàng, những chủ hàng buôn nhỏ, lẻ ở các khu vực đó có nhu cầu vận chuyển với giá cước thấp. Với việc kết hợp như vậy sẽ tận dụng được tối đa khả năng vận chuyển của xe và năng lực của lái xe, cũng như đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, đồng thời tạo thêm doanh thu cho công ty.

3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh

3.5.1. Về phía nhà nước

Trong ngành vận tải hàng hóa thì xăng dầu chiếm một khoản chi phí lớn mà hiện nay xăng dầu tăng giá các Doanh nghiệp vận tải lao đao, hoạt động vận tải sẽ không có lãi nếu như không kịp thời điều chỉnh cước phí. Trong tình trạng hiện nay giá cước phải tăng từ 15% - 20% (Khoảng từ 4 đến 5 ngàn đồng/tấn) mới đảm bảo cho Doanh nghiệp hoạt động có lãi. Nhưng theo quy định của Nhà nước giá vận tải sẽ chịu sự điều tiết của cơ chế thị trường trên cơ sở thỏa thuận giữa Doanh nghiệp vận tải và khách hàng.

Vì vậy để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm đạt hiệu quả về phía nhà nước phải có sự hỗ trợ, giúp đỡ và bàn bạc với các doanh nghiệp nhằm đưa ra giải pháp phù hợp, tránh gây những xáo trộn lớn trong hoạt động vận tải ảnh hưởng đến khách hàng

3.5.2 Về phía doanh nghiệp

Phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của nhà nước. Không được lợi dụng tăng cước vận tải theo giá xăng dầu để tăng lợi nhuận.

Đứng trước tình hình biến động hiện nay, Công ty phải có những biện pháp cụ thể về giá thành sản phẩm dịch vụ của mình. Nếu giá cước quá cao sẽ không có tính thực tế, không có tính cạnh tranh nhưng nếu giá cước quá thấp sẽ dẫn đến hậu quả Công ty không đủ bù chi. Vì vậy phải tính toán đưa ra mức giá cước hợp lý trên cơ sở giá thành để duy trì hoạt động cũng như làm tăng thêm doanh thu cho Công ty.

KẾT LUẬN

Giá thành sản phẩm là yếu tố phản ánh toàn bộ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy tính giá thành sản phẩm đúng, đủ, chính xác là một yêu cầu tất yếu khách quan của công tác quản lý cũng như quá trình hạch toán. Đó là mục đích là chỉ tiêu phương hướng dẫn đến mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đi vào một quỹ đạo nhất định, đảm bảo cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có lãi.

Sau một thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh giúp em rất nhiều trong việc tiếp cận với các nghiệp vụ kế toán liên quan đến việc tập hợp chi phí sản xuất - tính giá thành sản phẩm và đạt được những kết quả sau: Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất, thực trạng công tác kế toán tại công ty, từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác tổ chức kế toán tại công ty.

Được sự hướng dẫn của Ths. Nguyễn Đức Kiên em mạnh dạn đưa ra ý kiến nhằm đóng góp cho công tác kế toán tại Công ty được hoàn thiện hơn.

Do thời gian tiếp xúc với công việc thực tế ít, trình độ có hạn, mặc dù đã rất cố gắng nhưng khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót trong quá trình thực hiện. Em rất mong nhận được sự hướng dẫn chỉ bảo của các thầy cô giáo để em có thể khắc phục được những hạn chế đó.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn các cô chú, anh chị trong phòng kế toán Công ty Cổ phần Vận tải Hà Minh, thầy giáo hướng dẫn Ths. Nguyễn Đức Kiên đã giúp đỡ em rất nhiều trong việc hoàn thiện khóa luận này.

Sinh viên

Hoàng Thị Thu Phương

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kế toán và phân tích Chi phí – Giá thành trong doanh nghiệp (Học việc tài chính – PGS.TS. Nguyễn Đình Đỗ - TS. Trương Thị Thủy – TS Nguyễn Trọng Cơ – Th.S Nghiêm Thị Thà) – Nhà xuất bản tài chính – Năm 2006.

2. Hướng dẫn thực hành về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp (Trường Đại Học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh – TS. Võ Văn Nhị - Th.S Phạm Thanh Liêm – Th.S Lý Kim Huê) – Nhà xuất bản thống kê – Năm 2002.

3. Kế toán chi phí giá thành (Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh – Khoa kinh tế - TS. Phan Đức Dũng) – Nhà xuất bản thống kê – Năm 2007.

4. Chế độ kế toán quyền 1 và quyền 2 – Bộ Tài Chính ban hành.

5. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam – Năm 2006.

6. Giáo trình lý thuyết hạch toán kế toán – Đại học kinh tế quốc dân khoa kế toán – PGS.TS. Nguyễn Thị Đông – Nhà xuất bản tài chính – Năm 2003.